

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM THỊ HƯƠNG

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LÝ LỊCH TƯ PHÁP
TỪ THỰC TIỄN TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số : 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN VĂN THUẬN

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan luận văn “**Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp từ thực tiễn tại các tỉnh miền núi phía Bắc**” là công trình nghiên cứu của bản thân tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu trình bày trong luận văn là trung thực, được trích dẫn từ các nguồn công khai, hợp pháp, không sao chép từ bất kỳ công trình nào khác.*

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Phạm Thị Hương

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Số thứ tự	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	GDP	Gross Domestic Product Tổng sản phẩm quốc nội
2	HĐND	Hội đồng nhân dân
3	LLTP	Lý lịch tư pháp
4	NĐ – CP	Nghị định của Chính phủ
5	STP	Sở Tư pháp
6	TTLT - BTP - TANDTC - VKSNDTC - BCA - BQP	Thông tư liên tịch Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng
7	TTLT-BTP-BCA	Thông tư liên tịch Bộ Tư pháp - Bộ Công an
8	UBND	Ủy ban nhân dân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LÝ LỊCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp	7
1.2. Nội dung, hình thức và phương pháp quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp	17
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp	27
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LÝ LỊCH TƯ PHÁP TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC	32
2.1. Quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp trong điều kiện các tỉnh miền núi phía Bắc	32
2.2. Các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp	34
2.3. Thực tiễn quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp tại các tỉnh miền núi phía Bắc	39
2.4. Đánh giá chung quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp tại các tỉnh miền núi phía Bắc	45
Chương 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LÝ LỊCH TƯ PHÁP TỪ THỰC TIỄN CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC	59
3.1. Quan điểm quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp	59
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp	62
KẾT LUẬN	70
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	72
PHỤ LỤC	76

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thực hiện chính sách tái hòa nhập cộng đồng của người phạm tội sau khi đã chấp hành xong bản án, theo đó, những người phạm tội sau khi đã chấp hành xong bản án được xã hội tạo điều kiện để tái hòa nhập cộng đồng trên cơ sở tôn trọng quyền con người. Pháp luật của nhiều nước và ở nước ta đều có quy định về vấn đề xóa án tích sau khi người phạm tội đã chấp hành xong hình phạt và đã qua thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Lý lịch tư pháp được xem như một yếu tố đảm bảo không có sự phân biệt đối xử đối với người phạm tội sau khi đã chấp hành xong bản án, điều này được thể hiện ở chỗ người đã từng bị kết án khi đủ điều kiện đương nhiên được xóa án tích hoặc đã được tòa án quyết định xóa án tích, thì được coi như chưa bị kết án.

Trước yêu cầu nâng cao cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 05/02/2007 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của tổ chức thương mại thế giới. Để đáp ứng những yêu cầu đó, Luật Lý lịch tư pháp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 17/06/2009, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2010, đánh dấu bước ngoặt quan trọng cho vị thế của Lý lịch tư pháp. Cùng với đó, Thủ tướng đã ban hành Quyết định số 338/QĐ-Ttg ngày 19/02/2013 phê duyệt “Chiến lược phát triển lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030”. Việc ban hành Luật Lý lịch tư pháp đã góp phần thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030. Bên cạnh đó, Luật Lý lịch tư pháp cũng đặt ra những

nhiệm vụ mới, phức tạp và khó khăn trong quản lý nhà nước. Việc thực hiện triển khai nhiệm vụ này đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan Tòa án, Kiểm sát, Công an, Quốc phòng, Tư pháp trong việc phối hợp tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp Phiếu Lý lịch tư pháp.

Khu vực miền núi phía Bắc bao gồm 10 tỉnh (Bắc Kạn, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Giang, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Sơn La, Tuyên Quang, Yên Bái) là nơi ít dân cư, chủ yếu là dân tộc thiểu số, chủ yếu giáp với biên giới Trung Quốc và Lào. Nhìn chung điều kiện kinh tế và trình độ dân trí ở khu vực này chưa cao nên việc truyền tải pháp luật đến cộng đồng dân cư gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Trong những năm gần đây với chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, đời sống ở các vùng miền núi phía Bắc. Do đó sẽ thúc đẩy tình trạng di dân để làm việc và sinh sống đến các khu vực này rất nhiều. Cũng trong khoảng thời gian gần đây nhu cầu Cấp phiếu Lý lịch tư pháp tại khu vực này có xu hướng tăng nhiều nhằm phục vụ những nhu cầu cá nhân như xuất khẩu lao động, xuất cảnh định cư, xin việc làm, cấp chứng chỉ hành nghề... Tuy nhiên, vẫn còn những vấn đề còn tồn tại như kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế, trong công tác phối hợp liên ngành, công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, công tác Cấp phiếu Lý lịch tư pháp.

Qua quá trình nghiên cứu và thực tiễn công tác, tác giả lựa chọn đề tài: ***“Quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp từ thực tiễn tại các tỉnh miền núi phía Bắc”*** cho luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Vấn đề quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp đóng vai trò và vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp quản lý nhà nước nói chung và về Lý lịch tư pháp nói riêng. Trong thời gian qua có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến lý lịch tư pháp và việc thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp đã được công bố như sau:

Trần Thất (năm 1996), *Một số suy nghĩ bước đầu về quản lý Lý lịch tư pháp*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật số 3, 4;

Nguyễn Ngọc Anh (năm 2005), *Lý lịch tư pháp, bí mật đời tư về tình trạng tiền án của cá nhân*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật số 6;

Nguyễn Minh Phương (2008), *Pháp luật về Lý lịch tư pháp của một số nước trên thế giới*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp;

Đỗ Thị Thúy Lan (năm 2011), *Thực hiện pháp luật về Lý lịch tư pháp ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học;

Chủ biên Đặng Thanh Sơn (năm 2011), *Một số nội dung cơ bản về Lý lịch tư pháp*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội;

Chủ biên Đặng Thanh Sơn (năm 2012), *Cẩm nang nghiệp vụ về Lý lịch tư pháp*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội;

PGS.TS. Hà Hùng Cường (năm 2012), *Nhìn lại thực tiễn hai năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật;

Nguyễn Thị Thu Hằng (năm 2012), *Phiếu lý lịch tư pháp và vấn đề quản lý nhà nước, quản lý xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật;

Đỗ Thị Thúy Lan (năm 2014), *Thực tiễn công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật;

Nguyễn Thị Minh Phương (năm 2014), *Thực tiễn công tác phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật;

Nguyễn Thị Ngọc (năm 2014), *Quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ luật học;

Nguyễn Thị Phương Anh (năm 2015), *Quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp từ thực tiễn thành phố Hải Phòng*, Luận văn thạc sĩ luật học;

Nhìn chung, những công trình nghiên cứu trên đã phân nào khái quát chung nhất về Lý lịch tư pháp ở nhiều góc độ và khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu cụ thể đối với quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp từ thực tiễn tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Vì vậy, qua quá trình nghiên cứu,

tham khảo, tác giả chọn đề tài luận văn thạc sĩ của mình là: “*Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp từ thực tiễn tại các tỉnh miền núi phía Bắc*”.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích lý luận, ý nghĩa và vai trò của quản lý nhà nước đối với lý lịch tư pháp, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp tại các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng. Qua đó, luận văn sẽ đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn về quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu, phân tích cơ sở lý luận của quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp.
- Phân tích, đánh giá thực tiễn quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp trong khu vực miền núi phía Bắc. Qua đó tìm ra được những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó.
- Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp tại các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng và quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp của cả nước nói chung.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là tập trung nghiên cứu nội dung và phương pháp quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp và thực tiễn thực hiện quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp từ thực tiễn tại các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là những vấn đề cơ bản nhất về quản lý nhà nước đối với Lý lịch tư pháp, Luận văn không bao gồm quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp trên toàn quốc mà chỉ tập trung nghiên cứu thực trạng về quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp từ thực tiễn tại các tỉnh miền núi phía Bắc; Cụ thể trong phạm vi về mặt không gian là 10 tỉnh: Bắc Kạn, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Giang, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Sơn La, Tuyên Quang, Yên Bái; phạm vi

về mặt thời gian: được tính từ khi luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực (01/07/2010) đến 31/12/2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nhà nước và pháp luật, về tuyên truyền, giáo dục thực hiện pháp luật.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp của triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, như phương pháp kết hợp lý luận với thực tiễn, phân tích và tổng hợp. Ngoài ra, luận văn còn sử dụng phương pháp thống kê nhằm thống kê số liệu trên thực tiễn về Lý lịch tư pháp làm cơ sở cho việc đưa ra những nhận xét, kết luận, kiến nghị hoàn thiện quy định quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp; Phương pháp so sánh nhằm đối chiếu, so sánh với một số tỉnh tiêu biểu của toàn quốc nhằm tham khảo, tiếp thu kinh nghiệm.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn góp phần hệ thống hóa các khái niệm, đặc điểm, đảm bảo thực hiện đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp. Luận văn có thể làm tài liệu cho những người quan tâm nghiên cứu về Lý lịch tư pháp.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp không chỉ trong khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc mà còn của cả nước nói chung.

7. Cơ cấu của luận văn

Luận văn gồm phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận của Quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp ở Việt Nam hiện nay.

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp từ thực tiễn các tỉnh miền núi phía Bắc.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LÝ LỊCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp

1.1.1.1. Khái niệm Lý lịch tư pháp

Về mặt khái niệm thì thuật ngữ "Lý lịch tư pháp" không phải được sử dụng một cách giống nhau ở các nước khác nhau. Nhưng có thể nói rằng trong các thuật ngữ khác nhau theo cách gọi của mỗi nước đều hàm chứa những nội dung tương tự. Ở các nước Phương Tây, trong tiếng Anh, thuật ngữ Lý lịch tư pháp là "Criminal records", tiếng Pháp có từ "casier judiciaire". Các thuật ngữ này đều là ghi nhận thông tin về các chế tài, hình phạt mà cơ quan có thẩm quyền của nhà nước đã tuyên đối với một cá nhân mà nội dung chủ yếu là những thông tin liên quan đến bản án hình sự. Trong tiếng Pháp, là cụm từ ghép giữa từ "casier và judiciaire" trong đó từ "casier" có nghĩa là cái tủ hoặc cái giá nhiều ngăn, có thấy tính chất của công tác này là sắp xếp, phân bổ, phân chia theo thứ tự khác nhau. Như vậy, theo cách gọi của tiếng Pháp từ "Casier judiciaire" gợi cho ta hình dung về những ngăn tủ có chứa đựng những hồ sơ (những tập Fiche) về tư pháp. Nói một cách hình ảnh đó là nơi lưu trữ về án tích của những người đã can án. Tại Bỉ, Lý lịch tư pháp được hiểu là một hệ thống xử lý tự động, có nhiệm vụ đảm bảo việc đăng ký, lưu trữ và thay đổi các dữ liệu liên quan đến các bản án, quyết định trong lĩnh vực hình sự và quốc phòng. Trong khi đó ở Đức, Lý lịch tư pháp được hiểu là việc đăng ký, lưu trữ, xử lý các thông tin về bản án hình sự của toà án, thông tin liên quan đến quyết định của cơ quan hành chính và toà án về vi phạm trong công nghiệp và thương mại, các quyết định của cơ quan công tố hình sự về việc truy tố đang thực hiện đối với một người nào đó [21, tr.13].

Thời Trung cổ, luật hình của nhiều nước đã quy định việc ghi nhớ án tích bằng cách thích chữ vào mặt (điển hình là trường hợp của Lâm Xung, Dịch Thanh thời nhà Tống-Trung Quốc), hoặc chặt các ngón tay, ngón chân hoặc cắt tai... của kẻ phạm tội (cũng giống như một số hoạt động của giang hồ, xã hội đen) hay ở nước Pháp thì có hình thức thích dấu hoa huệ vào vai (như trường hợp của Milady trong tiểu thuyết Ba người lính ngự lâm), hoặc một số người bị phạm tội phải trở thành nô lệ thì cũng bị thích, xăm lên mình những con dấu nô lệ (đánh dấu)... nói chung là tùy theo từng loại tội mà thực hiện việc lưu trữ trên. Theo quy định của pháp luật Phong kiến ở một số nước như Trung Quốc, Việt Nam..., hình thức thích chữ vào mặt thường được áp dụng đối với tội đại hình với hình phạt lưu đày [21, tr.4]. Còn hình thức chặt ngón tay, ngón chân thường được áp dụng đối với loại tội như tội trộm cắp. Hình phạt này vừa có ý nghĩa là hình phạt vừa có ý nghĩa là để ghi nhớ án tích của kẻ phạm tội.

Ở Việt Nam, từ thời Pháp thuộc, dân chúng đã biết đến "Tur pháp lý lịch" Qua đạo luật ngày 5-8-1899 "về Tur pháp lý lịch và phục quyền ". Sau đó, Tur pháp lý lịch đã được quy định khá đầy đủ và chi tiết trong dụ số 14 do Quốc trưởng Bảo Đại ký ngày 1-9-1951. Đây có thể được coi là đạo luật thành văn đầu tiên của Việt Nam về Lý lịch tư pháp thay thế cho hình thức ghi nhớ hình phạt như trên của thời trung cổ. Lý lịch tư pháp thành văn phổ biến nhất, đó là hình thức Sổ bộ ghi chép các bản án mà Toà án đã tuyên hàng năm. Căn cứ vào Sổ bộ của Toà án, người ta có thể truy tìm được án tích của một người nào đó. Tuy nhiên, hình thức sổ bộ vẫn còn những điểm hạn chế: Thứ nhất, Sổ bộ là cuốn sổ chung trong đó ghi chép án tích của nhiều người chứ không phải của riêng mỗi người. Hơn nữa, sổ bộ lại thay đổi theo từng năm (thường mỗi năm lại thay sổ mới). Vì vậy, khi muốn tra cứu án tích một người nào đó ta phải lần tìm trong tất cả những quyển sổ bộ xem có án tích của người đó hay không. Điều này lại càng phức tạp, khó khăn hơn khi đương sự thay đổi chỗ ở dẫn tới thay đổi toà án có thẩm quyền xét xử. Tóm lại, trong trường hợp này, muốn không bỏ

sốt án tích của một người thì phải tra cứu, tổng hợp có khi đến hàng trăm quyển Sổ bộ; Thứ hai, Sổ bộ thường chỉ ghi được những thông tin ban đầu (tức là những bản án và những quyết định ban đầu của Tòa án) mà không có những thông tin bổ sung như: các quyết định về ân xá, xoá án tích, tổng hợp hình phạt của nhiều bản án... Nói cách khác, những thông tin trong sổ bộ không phản ánh được diễn biến của can phạm trong quá trình thi hành bản án. Mặt khác, thông tin về tiền án không phải chỉ cần cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm mà các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội... cũng rất cần biết ở những mức độ khác nhau để hỗ trợ công tác nhân sự của cơ quan mình [21, tr.10].

Khắc phục những nhược điểm nói trên của hình thức Sổ bộ là sự ra đời của Luật Lý lịch tư pháp. Luật Lý lịch tư pháp đã được Quốc hội khoá XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 17/6/2009 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2010. Tại Khoản 1 Điều 2 Luật lý lịch tư pháp 2009 quy định: *“Lý lịch tư pháp là lý lịch về án tích của người bị kết án bằng bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, tình trạng thi hành án và về việc cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản”*. Luật Lý lịch tư pháp là đạo luật quan trọng, liên quan trực tiếp đến quyền của công dân và hoạt động của các cơ quan tư pháp, đặc biệt Luật đã xác lập những nguyên tắc, nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, tạo cơ sở pháp lý có hiệu lực cao để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp ngày càng tăng của công dân, bảo đảm phù hợp với tiến trình cải cách tư pháp, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại và hội nhập quốc tế. Hình thức của Lý lịch tư pháp được thể hiện qua Phiếu Lý lịch tư pháp, đó là một loại phiếu do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp và có giá trị chứng minh có hay không có án tích, bị cấm hay không bị cấm thực hiện các công việc hay đảm nhiệm một chức vụ, quyền hạn liên quan đến hoạt động

kinh doanh do quyết định tuyên bố phá sản của tòa án.

1.1.1.2. Khái niệm quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp

Khái niệm “quản lý” được hiểu là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm chỉ huy, điều hành, hướng dẫn các quá trình xã hội và hành vi của cá nhân hướng đến mục đích hoạt động chung và phù hợp với quy luật khách quan. Quản lý nhà nước là sự chỉ huy, điều hành xã hội của các cơ quan nhà nước (lập pháp, hành pháp, tư pháp) để thực thi quyền lực nhà nước thông qua các văn bản quy phạm pháp luật. Quản lý hành chính nhà nước là hoạt động thực thi quyền hành pháp nhằm tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi của công dân do các cơ quan trong hệ thống hành chính từ trung ương đến cơ sở tiến hành để thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, duy trì trật tự an ninh, thoả mãn nhu cầu hằng ngày của người dân [19, tr.6]. Với cách tiếp cận đó, “Quản lý lý lịch tư pháp” là sự tác động có ý thức của các chủ thể được giao nhiệm vụ quản lý lý lịch tư pháp (mang tính quyền lực nhà nước) lên đối tượng quản lý (là cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực lý lịch tư pháp) nhằm chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn các quá trình xã hội và hành vi của các chủ thể hướng đến mục đích quản lý lý lịch tư pháp và phù hợp với quy luật khách quan của các quan hệ lý lịch tư pháp.

Theo quy định tại Điều 3 Luật Lý lịch tư pháp, mục đích quản lý lý lịch tư pháp là nhằm: “Đáp ứng yêu cầu cần chứng minh cá nhân có hay không có án tích, có bị cấm hay không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản; Ghi nhận việc xoá án tích, tạo điều kiện cho người đã bị kết án tái hoà nhập cộng đồng; Hỗ trợ hoạt động tố tụng hình sự và thống kê tư pháp hình sự và Hỗ trợ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã”. Quản lý lý lịch tư pháp dựa trên ba nguyên tắc: Một là, Lý lịch tư pháp chỉ được lập trên cơ sở bản án, quyết định hình sự

của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; quyết định của Tòa án tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản đã có hiệu lực pháp luật. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của tổ chức và hoạt động lý lịch tư pháp. Lý lịch tư pháp của một người chỉ được lập khi người đó bị Tòa án kết án bằng bản án, quyết định hình sự đã có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, khi một người bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp trong quyết định tuyên bố phá sản, thì Lý lịch tư pháp của người đó sẽ được cơ quan có thẩm quyền lập trong trường hợp người đó chưa có Lý lịch tư pháp. Hai là, Bảo đảm tôn trọng bí mật đời tư của cá nhân. Thông tin lý lịch tư pháp là thông tin có liên quan đến quyền nhân thân và bí mật đời tư của cá nhân. Vì vậy, việc quản lý và sử dụng thông tin này phải bảo đảm tôn trọng bí mật đời tư của cá nhân. Nguyên tắc này được thể hiện rõ nét trong các quy định của Luật Lý lịch tư pháp về quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, việc cung cấp, cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp cũng như quy định về thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Ba là, thông tin lý lịch tư pháp phải được cung cấp, tiếp nhận, cập nhật, xử lý đầy đủ, chính xác theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Lý lịch tư pháp. Cơ quan cấp Phiếu lý lịch tư pháp chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin trong Phiếu lý lịch tư pháp. Lý lịch tư pháp là vấn đề quan trọng của mỗi con người, nhằm chứng minh cá nhân có hay không có án tích, có bị cấm hay không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản. Do đó, việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp phải đầy đủ, chính xác theo đúng trình tự, thủ tục được coi là một trong những nguyên tắc cơ bản của quản lý lý lịch tư pháp.

Cũng theo Luật Lý lịch tư pháp, cơ quan quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp bao gồm các cơ quan có thẩm quyền chung - quản lý theo lãnh thổ bao gồm Chính phủ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) và các cơ quan có thẩm quyền riêng - quản lý theo ngành, lĩnh vực bao gồm Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp. Trong số các cơ quan đó, Chính phủ thống

nhất quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp; Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm phối hợp với Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp; Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao và các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp tại địa phương (Điều 5).

Để thực hiện chức năng giúp Chính phủ quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp, Bộ Tư pháp được giao các nhiệm vụ, quyền hạn như: a) Trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về lý lịch tư pháp; b) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lý lịch tư pháp; tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về lý lịch tư pháp; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức làm công tác lý lịch tư pháp; c) Quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia; d) Bảo đảm cơ sở vật chất và phương tiện làm việc cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia; đ) Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về lý lịch tư pháp; e) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp; g) Ban hành và quản lý thống nhất các biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về lý lịch tư pháp; h) Triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý lý lịch tư pháp; i) Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực lý lịch tư pháp; k) Định kỳ hằng năm báo cáo Chính phủ về hoạt động quản lý Lý lịch tư pháp (khoản 3, Điều 9).

Để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp tại địa phương, UBND cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lý lịch tư pháp; tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về lý lịch tư pháp; b) Bảo đảm về biên chế, cơ sở vật chất và phương tiện làm việc cho hoạt động quản lý lý lịch tư pháp tại địa phương; c)

Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp; d) Triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý lý lịch tư pháp theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp; đ) Định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Tư pháp về hoạt động quản lý lý lịch tư pháp tại địa phương (khoản 5, Điều 9). Ngoài ra, để phân biệt giữa cơ quan quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Luật Lý lịch tư pháp còn quy định cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp bao gồm Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp (khoản 5, Điều 2).

Về đối tượng quản lý lý lịch tư pháp, Luật Lý lịch tư pháp quy định bao gồm: a) Công dân Việt Nam bị kết án bằng bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án Việt Nam, Tòa án nước ngoài mà trích lục bản án hoặc trích lục án tích của người bị kết án được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp theo điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự hoặc theo nguyên tắc có đi có lại; b) Người nước ngoài bị Tòa án Việt Nam kết án bằng bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật và c) Công dân Việt Nam, người nước ngoài bị Tòa án Việt Nam cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong quyết định tuyên bố phá sản đã có hiệu lực pháp luật (Điều 5).

Ngoài ra, để bảo đảm cho các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp, Luật Lý lịch tư pháp quy định trách nhiệm của một số cơ quan chức năng trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: *“Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án dân sự, Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin LLTP đầy đủ, chính xác, đúng trình tự, thủ tục cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu LLTP theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật”* (Điều 6). Đồng thời quy định về quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, theo đó: các chủ thể sau đây được yêu

cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp: a) Công dân Việt Nam, người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của mình; b) Cơ quan tiến hành tố tụng có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử; c) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (Điều 7).

Với các nội dung trên đây cho thấy, quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp và quản lý cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp là hai hoạt động khác nhau, do các chủ thể khác nhau thực hiện. Quản lý nhà nước về cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp là hoạt động quản lý trong phạm vi hẹp, do các chủ thể xác định thực hiện (mà cụ thể là Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp); đối tượng quản lý là cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp, còn quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp là hoạt động quản lý chung, bao trùm các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước đối với công tác Lý lịch tư pháp nói chung, trong đó có quản lý cơ sở Lý lịch tư pháp, do các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền chung – theo lãnh thổ (Chính phủ, UBND cấp tỉnh) và cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền riêng – theo ngành, lĩnh vực thực hiện (Bộ Tư pháp và Sở Tư pháp) thực hiện. Quản lý cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp là hoạt động quản lý của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp đối với tập hợp các thông tin về án tích, tình trạng thi hành án; về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản được cập nhật và xử lý theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp. Còn quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp là hoạt động quản lý của cơ quan hành chính nhà nước đối với công tác Lý lịch tư pháp nói chung, trong đó có cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

1.1.1.3. Đặc điểm quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp

Hoạt động quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp mang đầy đủ những đặc điểm chung và có một số đặc điểm riêng. Quản lý nhà nước có các đặc điểm sau:

a) Quản lý nhà nước mang tính quyền lực nhà nước; b) Quản lý nhà nước mang tính tổ chức và điều chỉnh; c) Quản lý nhà nước mang tính khoa học, tính kế hoạch; d) Quản lý nhà nước mang tính ổn định và lâu dài; đ) Quản lý nhà nước mang tính tập trung dân chủ.

Quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp được điều chỉnh bằng pháp luật, vừa mang tính quyền lực, tính tổ chức cao, vừa mang tính đặc thù quản lý ngành. Quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp là hoạt động thực thi quyền hành pháp của nhà nước, đó là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước trên cơ sở pháp luật đối với hành vi hoạt động của con người và các quá trình xã hội, do các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến cơ sở tiến hành để thực hiện những mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của nhà nước. Có thể hiểu quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp là quá trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sử dụng quyền lực của mình tác động có tổ chức và điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong hoạt động cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin Lý lịch tư pháp; Lập Lý lịch tư pháp; tổ chức và quản lý cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp; cấp phiếu Lý lịch tư pháp theo các nguyên tắc nhất định nhằm đạt được mục tiêu của quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp. Quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp là cả một quá trình với nhiều hoạt động như ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về Lý lịch tư pháp; chỉ đạo và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về Lý lịch tư pháp; tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về Lý lịch tư pháp; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức làm công tác Lý lịch tư pháp; quản lý cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp; bảo đảm cơ sở vật chất và phương tiện làm việc; chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ về lý lịch tư pháp; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện pháp luật về Lý lịch tư pháp; ban hành và quản lý thông

nhất các biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về Lý lịch tư pháp; triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý Lý lịch tư pháp; thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực Lý lịch tư pháp. Cũng giống như những hoạt động quản lý nhà nước ở các lĩnh vực khác, hoạt động quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp được diễn ra trên nhiều lĩnh vực và hoạt động của xã hội như kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng.

1.1.2. Vai trò của quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp

Công tác Lý lịch tư pháp nói chung và quản lý Lý lịch tư pháp nói riêng có vị trí, vai trò và ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đời sống pháp luật, bởi lẽ, Lý lịch tư pháp không chỉ có ý nghĩa trong việc ghi nhận việc xóa án tích, tạo điều kiện cho người bị kết án tái hòa nhập cộng đồng nhằm xóa đi sự mặc cảm và tội lỗi của người bị kết án đối với xã hội mà còn giúp họ có thêm sự tự tin để tìm kiếm một công việc để làm. Sau một thời gian chấp hành đầy đủ những người phạm tội đã được cải tạo, giáo dục, tái hòa nhập cộng đồng khi có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cơ quan quản lý tư pháp sẽ cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người đó và trong nội dung của Phiếu lý lịch tư pháp sẽ ghi là “không có án tích” và được coi như chưa bị kết án và không bị phân biệt đối xử; Qua đó nó cũng phù hợp nguyên tắc nhân đạo của Luật hình sự nước ta. Về mặt pháp lý, Lý lịch tư pháp chứng minh cho cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thấy được một cá nhân có hay không có án tích, có bị cấm hay không bị cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản làm căn cứ để xác định có hay không hành vi cấu thành tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự; mức độ trách nhiệm hình sự phải gánh chịu cũng như khả năng phải gánh chịu hình phạt và các mức hình phạt, các biện pháp tha miễn trách nhiệm hình sự được lựa chọn. Lý lịch tư pháp còn giúp Thẩm phán và Hội đồng xét xử đưa ra những quyết định chính xác, qua đó thể hiện nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật của công dân; giúp Kiểm sát viên định hướng sơ bộ mức thấp nhất và mức

cao nhất của hình phạt có thể được áp dụng. Ở một số nước khi Viện công tố chuẩn bị truy tố một bị can nào đó thường phải gửi một phiếu yêu cầu đến cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp để yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp nhằm xác định về tình trạng tiền án của bị can và trong hồ sơ truy tố có kèm theo cả Phiếu lý lịch tư pháp để làm căn cứ xác định bị can tái phạm hay không tái phạm. Đối với Tòa án, Lý lịch tư pháp giúp Thẩm phán lựa chọn loại và mức hình phạt như án treo, cải tạo không giam giữ, phạt tù... Đối với Cơ quan thi hành án, cho phép áp dụng các chế độ giảm hình phạt, áp dụng các chế độ giảm hình phạt. Bên cạnh đó một số Cơ quan quản lý hành chính cũng sử dụng Lý lịch tư pháp để phục vụ cho việc tuyển chọn và quản lý nhân sự; xem xét, đánh giá tư cách đạo đức của cá nhân. Nhiều nước có quy định về việc phải có Phiếu lý lịch tư pháp khi xem xét việc xuất cảnh, nhập cảnh, cho nhập, thôi, trở lại quốc tịch, nuôi con nuôi, cấp một số chứng chỉ hành nghề (luật sư, kiểm toán, y dược), tuyển dụng và quản lý lao động nước ngoài tại nước sở tại, du học... Công tác quản lý Lý lịch tư pháp còn tạo lập ra những điều kiện cần thiết để đưa công tác Lý lịch tư pháp vào nề nếp, phát triển ổn định, bền vững, thúc đẩy các quan hệ xã hội phát triển trong định hướng dài hạn, phúc đáp các yêu cầu phát triển khách quan của đời sống xã hội trong công tác Lý lịch tư pháp.

1.2. Nội dung, hình thức và phương pháp quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp

1.2.1. Nội dung quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp

Quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp được thể hiện trên những nội dung cơ bản sau:

Một là: Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lý lịch tư pháp. Văn bản quy phạm pháp luật có thể được coi là công cụ tổ chức các hoạt động của quản lý nhà nước, giúp cho các cơ quan và lãnh đạo điều hành các hoạt động của bộ máy nhà nước trong nhiều phạm vi không gian và thời gian. Là phương tiện để các cơ quan quản lý có thể truyền

đạt chính xác các quyết định, đồng thời là cơ sở pháp lý để kiểm tra, theo dõi các hoạt động của các cơ quan cấp dưới. Trên cơ sở pháp luật, các chủ thể quản lý có định hướng, có cơ sở pháp lý, có phương pháp thích hợp để thực hiện các mục tiêu quản lý đã đề ra và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh hoạt động về lý lịch tư pháp phù hợp với điều kiện ở địa phương. Các văn bản quy phạm pháp luật có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và định hình một chế độ pháp lý cần thiết cho việc xem xét các hành vi hành chính trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ quản lý của các cơ quan.

Hai là: Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về Lý lịch tư pháp. Pháp luật của Nhà nước không phải khi nào cũng được mọi người trong xã hội biết đến, tìm hiểu, đồng tình ủng hộ và thực hiện nghiêm chỉnh. Tuy rằng bản chất pháp luật của Nhà nước ta là tốt đẹp, nó phản ánh ý chí, nguyện vọng, mong muốn của đông đảo quần chúng nhân dân trong xã hội. Tuy nhiên, dù những quy định pháp luật có tốt đẹp nhưng không được nhân dân biết đến thì vẫn không đi vào cuộc sống. Phổ biến, giáo dục pháp luật chính là phương tiện truyền tải những thông tin, những yêu cầu, nội dung và các quy định pháp luật đến với người dân, giúp cho người dân hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời mà không mất quá nhiều thời gian, công sức cho việc tự tìm hiểu, tự học tập. Đó chính là phương tiện hỗ trợ tích cực để nâng cao hiểu biết pháp luật cho nhân dân.

Ba là: Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức làm công tác lý lịch tư pháp. Cán bộ, công chức có vai trò rất quan trọng trong việc hoạch định, triển khai và tổ chức thực hiện chính sách. Đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp thực thi các chính sách, kế hoạch của cơ quan, tổ chức. Vì vậy, đội ngũ cán bộ, công chức phải được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng về năng lực công tác, kỹ năng nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ nhân dân. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức là một nhiệm vụ quan trọng được xác định trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2010. Đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng

được đội ngũ cán bộ, công chức thực sự có năng lực, biết giải quyết các vấn đề được giao trên nguyên tắc kết quả, hiệu quả và chất lượng. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng. góp phần tích cực trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác, chất lượng và hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; hướng tới mục tiêu là tạo được sự thay đổi về chất trong thực thi nhiệm vụ chuyên môn. Đào tạo, bồi dưỡng tập trung trang bị những kiến thức, kỹ năng, thái độ thực hiện công việc cho cán bộ, công chức, viên chức; trong đó cung cấp những kiến thức, lý luận cơ bản trang bị kỹ năng, cách thức hoạt động thực thi công việc, giáo dục thái độ thực hiện công việc thể hiện sự nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm của người cán bộ, công chức, viên chức. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức những kiến thức về lý luận chính trị, về lãnh đạo, quản lý, về khoa học xã hội, nhân văn và những kiến thức chuyên môn phù hợp với công việc được giao. Đây là điều kiện quan trọng, mang tính quyết định đến khả năng phân tích, luận giải những vấn đề thực tiễn từ những chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, trên cơ sở đó vận dụng sáng tạo vào thực tiễn của đơn vị, của lĩnh vực mà cá nhân đang được phân công phụ trách. Thông qua đào tạo, bồi dưỡng giúp cán bộ có khả năng phân tích, xử lý các tình huống, hình thành phương pháp nhận thức khoa học và giải quyết các vấn đề nhanh, nhạy và đạt hiệu quả cao nhất. Đối với những đặc tính đặc thù của lĩnh vực lý lịch tư pháp thì cán bộ làm công tác lý lịch tư pháp phải được đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ lý lịch tư pháp để nắm bắt các yêu cầu và giải quyết công việc theo quy định của pháp luật.

Bốn là: Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Luật Lý lịch tư pháp đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2009, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 01/7/2010. Luật Lý lịch tư pháp đã tạo cơ sở pháp lý có hiệu lực cao để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo đúng nguyên tắc của hoạt động này, theo hướng chuyên nghiệp và từng bước hiện đại, gắn việc xây dựng, quản lý cơ

sở dữ liệu lý lịch tư pháp với cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp, cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp là tập hợp các thông tin lý lịch tư pháp về án tích, thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được cập nhật và xử lý theo quy định của Luật này. Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được xây dựng và quản lý tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia thuộc Bộ Tư pháp và tại Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Nhận thức được nhu cầu của xã hội cũng như yêu cầu trong quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp đã chủ động đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực Lý lịch tư pháp như áp dụng các phương thức mới trong việc nhận hồ sơ và trả kết quả cấp phiếu Lý lịch tư pháp. Nghiên cứu, áp dụng nhiều giải pháp công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng công tác cấp phiếu, rút ngắn thời gian tra cứu, xác minh thông tin, rút ngắn thời gian trả kết quả cho cá nhân, cơ quan, tổ chức, góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lý lịch tư pháp. Đặc biệt, công tác cấp phiếu Lý lịch tư pháp cơ bản đáp ứng được yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức và từng bước được cải cách thủ tục theo hướng đơn giản hơn, thuận tiện hơn. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý lý lịch tư pháp tại cơ quan quản lý lý lịch tư pháp được đẩy mạnh và từng bước phục vụ có hiệu quả cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

Nhằm là: Đảm bảo mối quan hệ phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. Do đặc thù của lý lịch tư pháp có liên quan đến phạm vi quản lý của nhiều cấp, nhiều ngành khác nhau nên hoạt động ban hành và tổ chức triển khai thi hành pháp luật về lý lịch tư pháp cần đảm bảo tính thống nhất, công khai, minh bạch. Ngày 10/5/2012, Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đã ký ban hành Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP hướng dẫn trình tự, thủ

tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 04). Thông tư liên tịch số 04 đã tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, đầy đủ, toàn diện và đánh dấu một bước phát triển mới trong việc thiết lập mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan Tòa Án, Viện kiểm sát, Công an, Quốc phòng, Thi hành án dân sự và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp trong cung cấp, tra cứu, xác minh thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và phục vụ công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Sáu là: Hoạt động kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện pháp luật về lý lịch tư pháp. Hoạt động kiểm tra, thanh tra là công tác không thể thiếu trong quản lý nhà nước, qua kiểm tra, thanh tra nhằm phát hiện sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền biện pháp khắc phục; phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật; giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật; phát huy nhân tố tích cực; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Do đó, để quản lý nhà nước trong lĩnh vực Lý lịch tư pháp, công tác kiểm tra, thanh tra cũng là một công tác không thể thiếu. Một cơ quan nắm trọn quyền hạn, thẩm quyền trong thực hiện quyền lực nhà nước mà không được kiểm tra thì dễ phát sinh lạm quyền, cửa quyền, lạm quyền, vì động cơ mục đích cá nhân, cục bộ ngành, địa phương. Các cơ quan quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, ngoài chức năng chính của mình đều thực hiện hoạt động bảo đảm pháp chế và kỷ luật trong quản lý nhà nước bằng nhiều hình thức, phương pháp, biện pháp khác nhau.

Bảy là: Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực Lý lịch tư pháp. Hợp tác quốc tế về pháp luật có ý nghĩa lớn trong việc xây dựng và xác định tư duy mới trong xây dựng pháp luật, tạo cơ sở pháp lý phù hợp với thông lệ và thực tiễn quốc tế, góp phần giải quyết những tranh chấp, mâu thuẫn phát sinh, có cơ chế

phối hợp tốt hơn với các nước, các tổ chức quốc tế, tránh trùng lặp trong qui định pháp luật và quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật tốt hơn. Các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật đã hỗ trợ tích cực quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta. Đồng thời, các hoạt động này đóng vai trò là cầu nối thiết thực và hiệu quả, không chỉ dừng lại ở sự chuyển giao kiến thức, kinh nghiệm pháp lý mà còn giúp bạn bè quốc tế hiểu rõ hơn về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, hệ thống pháp luật Việt Nam. Đối với quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp cần tăng cường giao lưu, học hỏi kinh nghiệm pháp luật của một số nước phát triển trên thế giới nhằm hoàn thiện hơn pháp luật Việt Nam về Lý lịch tư pháp.

1.2.2. Hình thức quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp

Hình thức quản lý nhà nước là những biểu hiện ra bên ngoài của những hoạt động quản lý cùng loại về nội dung, tính chất và phương thức tác động của chủ thể lên khách thể quản lý. Hiện nay quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp có những hình thức như sau:

Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật là hình thức pháp lý quan trọng nhất trong hoạt động của các chủ thể quản lý hành chính nhà nước nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Thông qua các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ quan hành chính nhà nước quy định những quy tắc xử sự chung; những nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ cụ thể của các bên tham gia quan hệ quản lý hành chính nhà nước; xác định rõ thẩm quyền và thủ tục tiến hành các hoạt động quản lý nhà nước. Hình thức ban hành văn bản quy phạm pháp luật là hình thức quản lý hành chính nhà nước quan trọng nhất của các chủ thể quản lý hành chính nước nhằm thực hiện chức năng chấp hành và điều hành. Một số văn bản quy phạm pháp luật thực hiện quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp là Luật Lý lịch tư pháp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ năm thông qua ngày

17/06/2009, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2010, tạo cơ sở pháp lý đánh dấu bước ngoặt quan trọng cho việc xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp ở nước ta, tạo cơ sở pháp lý đầu tiên và quan trọng nhất cho sự ra đời của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia. Ngày 23/11/2010, Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. Ngày 10/05/2012, Lãnh đạo Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đã ký ban hành Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. Thông tin liên tịch này đã tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, đầy đủ, toàn diện và đánh dấu một bước phát triển trong việc thiết lập mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan có liên quan để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp Phiếu Lý lịch tư pháp. Sau đó có nhiều thông tư được ban hành để hướng dẫn chi tiết hơn những vấn đề liên quan đến Lý lịch tư pháp.

Bên cạnh hình thức quản lý nhà nước bằng việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật là những hình thức không mang tính pháp lý nhưng vẫn thể hiện được tính quản lý nhà nước, có thể là tổ chức hội nghị và cũng có thể là hình thức thông tin, điều hành bằng các phương tiện kỹ thuật hiện đại. Hình thức hội nghị là hình thức tập thể lãnh đạo ra quyết định bao gồm: đại hội, hội nghị, hội báo, trao đổi nhỏ. Đây là hình thức làm việc tập thể, sau khi bàn công việc tập thể sẽ ra nghị quyết hội nghị. Để quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp thì ngoài quản lý bằng văn bản quy pháp pháp luật còn có các Quyết định, Chỉ thị để thực hiện công việc này. Hình thức quản lý nhà nước bằng các phương tiện kỹ thuật hiện đại như dữ liệu phần mềm máy tính. Để thuận tiện cho việc quản lý và bắt kịp xu hướng của thời đại thì việc lưu trữ dữ liệu tại phần mềm điện tử là như cầu tất yếu. Dữ liệu điện tử giúp cho cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu suất công việc và giải quyết xử lý nhanh chóng và đáp ứng được các yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Hồ sơ tài liệu trở thành phương tiện theo dõi, kiểm tra công

việc một cách có hệ thống, qua đó cán bộ, công chức có thể kiểm tra, đúc rút kinh nghiệm góp phần thực hiện tốt các mục tiêu quản lý: năng suất, chất lượng, hiệu quả và đây cũng là những mục tiêu, yêu cầu của cải cách nền hành chính nhà nước ở nước ta hiện nay. Bên cạnh đó nó còn tạo công cụ để kiểm soát việc thực thi quyền lực của các cơ quan, tổ chức. Góp phần giữ gìn những căn cứ, bằng chứng về hoạt động của cơ quan, phục vụ việc kiểm tra, thanh tra giám sát. Đồng thời góp phần bảo vệ bí mật những thông tin có liên quan đến cơ quan, tổ chức và các bí mật quốc gia.

1.2.3. Phương pháp quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp

Trong quá trình hoạt động của quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp sử dụng rất nhiều phương pháp quản lý. Có khi những phương pháp này được vận dụng cùng một lúc để có được kết quả tốt nhất cho hoạt động quản lý nhà nước. Một số phương pháp quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp đó là:

Phương pháp tổng hợp: Các cơ quan hành chính nhà nước dùng phương pháp này để xây dựng chiến lược phát triển hoạt động quản lý nhà nước, lập quy hoạch tổng thể và chuyên ngành; dự báo xu thế phát triển; đặt chương trình mục tiêu và xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Sử dụng phương pháp này để tính toán các chỉ tiêu kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch. Điển hình cho phương pháp này là ngày 02 tháng 06 năm 2005, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, trong đó, đặt ra một trong những định hướng quan trọng là “tổ chức các cơ quan tư pháp và các chế định hỗ trợ tư pháp hợp lý, khoa học và hiện đại”. Ngày 19 tháng 02 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành “Chiến lược phát triển Lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030”. Đây là văn bản rất quan trọng, mang tính định hướng và xác lập các điều kiện về vật chất, kỹ thuật và nguồn nhân lực cho sự nghiệp phát triển Lý lịch tư pháp ở hiện tại và tương lai. Quyết định 2369/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng Trung tâm Lý lịch

tư pháp quốc gia và kiện toàn tổ chức thuộc Sở Tư pháp để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp”.

Phương pháp thống kê: Phương pháp này được các cơ quan hành chính nhà nước sử dụng để tiến hành điều tra khảo sát, sử dụng các phương pháp tính toán để phân tích tình hình và nguyên nhân của hiện tượng quản lý, làm căn cứ khoa học cho việc ra quyết định quản lý. Sử dụng các phương pháp thu thập số liệu, tổng hợp và chỉnh lý để tính toán tốc độ phát triển của các chỉ tiêu, kế hoạch nhất định. Thống kê là một trong những công cụ quản lý vĩ mô quan trọng, có vai trò cung cấp các thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ các cơ quan nhà nước trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác. Phương pháp thống kê có vai trò quan trọng trong việc quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp, được thể hiện bằng các báo cáo hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm bằng số liệu cụ thể.

Phương pháp sinh lý học: Phương pháp này các cơ quan quản lý nhà nước tạo ra các điều kiện làm việc phù hợp với sinh lý của con người, tạo ra sự thoải mái trong làm việc và tiết kiệm các thao tác không cần thiết nhằm tăng cường năng suất lao động như: bố trí phòng làm việc, bàn làm việc, ghế ngồi, vị trí điện thoại, vị trí để tài liệu, ánh sáng Đối với lĩnh vực Lý lịch tư pháp thì việc quản lý bằng phương pháp sinh lý học cũng được quan tâm đặc biệt. Tại các cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp từ trung ương đến địa phương đều được trang bị những cơ sở hạ tầng cơ bản nhất nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước được dễ dàng và thuận lợi. Cũng tại các cơ sở này đều được phân bổ các phòng, ban chuyên môn, kho lưu trữ hồ sơ riêng. Ngoài ra cũng được trang bị những thiết bị như máy móc để bảo đảm cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp.

Phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật: Đây là phương pháp tác động về tư tưởng và tinh thần đối với con người để họ giác ngộ lý tưởng, nâng cao ý

thức chính trị và pháp luật, nhận biết được làm việc nào là tốt, xấu, thiện, ác, vinh, nhục... Giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ bằng việc hô hào những khẩu hiệu chính trị, tuyên truyền, động viên lòng nhiệt tình, hang hái một cách chung chung như nhiều người quan niệm. Mà còn phải là những công việc cụ thể, thiết thực, có nội dung, kế hoạch thực hiện rõ ràng cho từng giai đoạn phát triển nhất định. Giáo dục chính trị, tư tưởng không chỉ đối với đối tượng quản lý mà cả đối với chủ thể quản lý. Nội dung giáo dục phải thiết thực, sâu sắc, gắn chặt với sản xuất, công tác và với phương pháp và hình thức linh hoạt, có chất lượng, phù hợp với đối tượng. Phương pháp này tùy từng điều kiện và hoàn cảnh của từng nơi mà áp dụng từng biện pháp phổ biến và giáo dục pháp luật riêng. Phương pháp này góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, quản lý xã hội.

Phương pháp tổ chức: Phương pháp này nhằm đưa con người vào khuôn khổ, kỷ luật và kỷ cương. Để thực hiện phương pháp này phải có quy chế, quy trình, nội quy hoạt động của cơ quan, đơn vị. Việc bố trí, sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức phải nghiêm túc, chính xác. Hiện nay tại cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp ở Trung ương và các địa phương thì đều có nội quy hoạt động của mỗi cơ quan và hầu hết các địa phương đều có quy chế phối hợp về quản lý lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh.

Phương pháp hành chính: Phương pháp hành chính là phương pháp quản lý bằng việc ra các mệnh lệnh rõ ràng, dứt khoát, bắt buộc đối tượng quản lý phải làm hoặc không được làm những công việc nhất định vì ý chí và mục tiêu của chủ thể quản lý. Phương pháp hành chính là phương pháp đặc thù của quản lý nhà nước, gắn liền với quyền lực và sức mạnh của nhà nước. Lý lịch tư pháp cũng là một trong những chủ thể của quản lý nhà nước nên cũng mang các đặc điểm của phương pháp hành chính.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp

1.3.1. Kinh tế - Xã hội

Vùng núi Việt Nam nằm trong điều kiện nhiệt đới mưa mùa, mưa tập trung vào một thời gian ngắn. Những cơn mưa ác liệt gây nên lũ lụt; nhiều trận lũ quét đã tàn phá tài nguyên thiên nhiên, các công trình xây dựng, đường sá, thủy lợi, gây thiệt hại người và của không lường hết được. Tính đa dạng của môi trường thiên nhiên tạo nên sự đa dạng các điều kiện sinh thái. Trên các điều kiện đa dạng sinh thái đó có thể sản xuất ra các loại sản phẩm đa dạng có giá trị kinh tế cao, đó là những lợi thế. Tuy nhiên, núi cao, suối sâu, địa hình cắt xẻ mạnh là những trở ngại lớn cho việc phát triển thị trường, giao thông, thông tin, tiếp cận với chủ trương chính sách, khoa học kỹ thuật

Trong thời gian qua, Quốc hội và Chính phủ ban hành nhiều văn bản, chính sách quan trọng về phát triển kinh tế- xã hội, trong đó có Lý lịch tư pháp. Việc ban hành các văn bản pháp luật về Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành là cơ sở cho các cơ quan chức năng của nhà nước trong việc quản lý nhà nước đối với công tác này. Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước thì việc thi hành chính sách, pháp luật đòi hỏi phải có cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan. Cơ chế phối hợp tạo cơ sở cho việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật, góp phần nâng cao ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật.

Văn hóa các dân tộc người vùng núi phía Bắc khá phong phú và đa dạng, giàu bản sắc, gắn liền với quá trình tụ cư lâu đời của cư dân từ nhiều nguồn và nhiều thời điểm khác nhau. Chính vì vậy trong chiến lược phát triển vùng cũng như tiểu vùng, điều có ý nghĩa sống còn là giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, truyền thống và đổi mới tại khu vực này. Có như vậy mới có thể phát triển bền vững kinh tế xã hội ở vùng đất vốn giàu tiềm năng và có kho tàng văn hóa phong phú

1.3.2. Về dân cư

Các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc có rất nhiều nhóm dân tộc, phân bố không đều, nhiều vùng có mật độ dân số cao và ngày càng tăng. Có nơi mật độ rất thấp nhưng điều kiện quá khắc nghiệt và mong manh. Sự tăng dân số ở miền núi đang nhanh và còn tiếp tục nhanh. Điều đó phần nào phản ánh được việc phản ánh các chương trình chính sách từ Trung ương đến các tỉnh vùng cao gặp nhiều khó khăn, giao thông không thuận lợi, trình độ dân trí thấp, chưa nhận thức được hậu quả, cũng như chưa có khả năng tiếp nhận các phương pháp mới. Cùng với việc tăng dân số tại chỗ, vùng cao đã và đang tiếp nhận một số bộ phận dân cư, hàng triệu người chuyển từ vùng đồng bằng đông đúc lên miền núi để phát triển vùng kinh tế mới, cùng với phong trào di dân tự do những năm gần đây đã đưa tốc độ dân số gấp hơn 3 lần. Cùng với sự gia tăng dân số, thêm vào đó, sự áp đặt kinh nghiệm canh tác từ vùng đồng bằng vào vùng đất dốc làm cho nhiều vấn đề môi trường trở nên trầm trọng hơn. Việc di cư tự do đã tạo nên cạnh tranh về đất đai và đẩy một bộ phận nhân dân lùi sâu vào rừng, do vậy rừng lại tiếp tục bị tàn phá. Cơ cấu tuổi của đại bộ phận các nhóm dân tộc thiểu số nghiêng nhiều về đám trẻ hơn. Gần 50% số dân có độ tuổi dưới 14-15 và tỷ lệ con gái kết hôn trước tuổi 18 ở một số nhóm dân tộc còn chiếm tỷ lệ đáng kể. Do kết hôn sớm, tuổi sinh đẻ kéo dài, nhiều cặp vợ chồng 30-40 tuổi đã có 5 con trở lên. Như vậy chắc chắn tốc độ tăng trưởng vẫn sẽ còn cao trong những năm tiếp theo. Điều này sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng dân số.

1.3.3. Trình độ của đội ngũ cán bộ công chức nhà nước

Đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp là những người trực tiếp tham gia xây dựng các văn bản pháp luật về Lý lịch tư pháp. Năng lực, trình độ của các cán bộ là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng các văn bản pháp luật về Lý lịch tư pháp. Do đó, đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý đòi hỏi phải có tư duy khoa học, khả năng nghiên cứu và am hiểu các văn bản chính sách pháp luật của nhà nước, có

kinh nghiệm thực tế. Bên cạnh đó, ngoài việc tự nghiên cứu, học tập, bổ sung kiến thức thì trong quá trình công tác, đội ngũ cán bộ công chức nhà nước thường xuyên được kiểm tra, đánh giá lại năng lực và trình độ chuyên môn. Cùng với việc tự nghiên cứu, bổ sung kiến thức thì đội ngũ cán bộ công chức cũng phải tự rèn luyện, tu dưỡng bản thân, nâng cao bản lĩnh chính trị để không thể hiện ý chí chủ quan, không cửa quyền, tham ô, tham nhũng trong công việc. Như vậy, năng lực, trình độ của các cán bộ công chức là yếu tố quan trọng góp phần thành công vào công tác quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp.

1.3.4. Trình độ học vấn của người dân

Tại các tỉnh miền núi phía Bắc bao gồm khá nhiều dân tộc thiểu số, mặc dù đã được nhà nước quan tâm đến sự nghiệp giáo dục này. Hiện nay, hầu như tỉnh, huyện miền núi nào cũng có các trường nội trú, có đầy đủ điều kiện và phương tiện cho con em các đồng bào dân tộc học tập. Tuy nhiên, các trường học trong thôn bản đang rất nghèo nàn, thiếu thốn. Chương trình học vẫn theo một chương trình chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong khi đó nhiều học sinh của nhiều nhóm dân tộc chưa nói sõi tiếng Việt. Các trường học ở vùng cao chưa cung cấp được cho học sinh những thông tin, kỹ năng phục vụ thiết thực cho cuộc sống hàng ngày của họ. Chưa được học nhiều về phương pháp phân tích, cách giải quyết vấn đề, đặc biệt là những kiến thức để họ có thể đưa ra những giải pháp cụ thể cho những vấn đề cụ thể của địa phương. Thực tiễn này ảnh hưởng khá lớn đến chất lượng giáo dục và tác động phần nào đến nhận thức của con người nơi đây.

1.3.5. Khoa học công nghệ

Công nghệ thông tin là một trong các động lực quan trọng nhất của sự phát triển, cùng với một số ngành công nghệ cao khác đang làm biến đổi sâu sắc đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của thế giới hiện đại. Với sự phát triển của công nghệ thông tin như ngày nay, việc trao đổi thông tin diễn ra một cách nhanh chóng trên phạm vi toàn cầu, con người có nhiều điều kiện tiếp cận với công nghệ tiên tiến hơn. Hầu hết các ngành nghề, các lĩnh vực hay hoạt động trong xã

hội hiện đại cũng cần tới sự góp mặt của công nghệ thông tin. Bởi sự đa dạng ấy, đối tượng phục vụ của công nghệ thông tin ngày càng phong phú. Do vậy, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin là một nhiệm vụ ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, là phương tiện chủ lực đi tắt đón đầu, rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước đi trước. Do vậy, quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp cần thiết phải đầu tư về khoa học công nghệ.

1.3.6. Ý thức pháp luật

Thời kỳ sau đổi mới, người dân đang còn trong quá trình thoát khỏi những thói quen của thời chiến, của xã hội nông nghiệp và cơ chế cũ nên ý thức tôn trọng pháp luật còn chưa cao. Những năm gần đây, công tác phổ biến giáo dục pháp luật ở nước ta đã được Đảng và Nhà nước quan tâm chú trọng nhiều hơn. Những hoạt động của các cấp các ngành trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật đã góp phần nâng cao ý thức pháp luật của người dân, hầu hết người dân đã nắm rõ được tầm quan trọng của pháp luật trong đời sống từ đó mà nhìn nhận đúng và tự giác hơn trong việc chấp hành pháp luật mà nhà nước đề ra. Ý thức trong thực hiện pháp luật của các tầng lớp nhân dân cũng được cải thiện rõ rệt. Nhân dân ý thức được trách nhiệm, quyền hạn của mình đối với nhà nước thông qua pháp luật do đó họ tích cực tham gia vào các hoạt động quản lý nhà nước, giám sát các hoạt động của cơ quan nhà nước để thực hiện quyền lợi hợp pháp của mình.

Kết luận chương 1

Như vậy, theo thời gian cùng với sự phát triển của đất nước, Luật Lý lịch tư pháp ra đời đã tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, tách dần ra khỏi chế định căn cước tội phạm, nhưng vẫn có mối quan hệ mật thiết. Trong những năm qua, Luật Lý lịch tư pháp cùng với các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo ra một hành lang pháp lý quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp. Qua đó cũng dần dần khẳng định được vị thế của Lý lịch tư pháp trong ý thức của người dân

cũng như trong các cơ quan, tổ chức trong đời sống xã hội. Từ việc phân tích ở chương 1 sẽ là nền tảng để phân tích đánh giá thực trạng cũng như đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp. Bảo đảm công tác quản lý lý lịch tư pháp chặt chẽ và phù hợp với tiến trình cải cách tư pháp, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại và hội nhập quốc tế.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LÝ LỊCH TƯ PHÁP TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

2.1. Quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp trong điều kiện các tỉnh miền núi phía Bắc

2.1.1. Vị trí địa lý

Là vùng lãnh thổ phía bắc đất nước, nằm sát chí tuyến bắc. Phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Tây giáp Lào, phía Đông giáp đồng bằng sông Hồng, phía Nam giáp Bắc Trung Bộ. Vị trí của vùng có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc giao lưu kinh tế trao đổi hàng hóa với các vùng trong nước, với nước bạn Trung Quốc, Lào (qua các cửa khẩu...) và các nước trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và thế giới (qua các cảng...).

Về đơn vị hành chính: Khu vực miền núi phía Bắc bao gồm 10 tỉnh: Bắc Kạn, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Giang, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Sơn La, Tuyên Quang, Yên Bái.

2.1.2. Điều kiện tự nhiên

Miền núi phía Bắc có địa hình núi cao và chia cắt sâu ở phía Tây Bắc, còn phía Đông Bắc là địa hình núi trung bình. Đây là cùng đầu nguồn của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình. Có địa hình hiểm trở với những dãy núi trùng điệp, hùng vĩ tiêu biểu là dãy núi Hoàng Liên Sơn với đỉnh Phanxipang cao 3.143m được mệnh danh là “mái nhà Đông Dương” và hàng chục đỉnh núi khác nhau có độ cao trên dưới 3.000m. Chính vì địa hình hiểm trở, chia cắt như vậy khiến cho giao thông đi lại khó khăn.

Miền núi phía Bắc có khí hậu nhiệt đới chịu ảnh hưởng của gió mùa. Chế độ gió tạo ra thời tiết có phần khắc nghiệt, gây nên khô nóng, hạn hán, sương muối gây trở ngại cho giao thông vận tải và sản xuất và sinh hoạt.

Miền núi phía Bắc có tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. Ví dụ quặng đồng – Niken ở Sơn La, đất hiếm ở Lai Châu, mỏ sắt ở Yên Bái, thiếc và bô xít ở Cao Bằng, Kẽm – chì ở Bắc Kạn, đồng – vàng ở Lào Cai; khoáng sản phi kim loại Apatit ở Lào Cai. Tuy nhiên phần lớn khoáng sản có trữ lượng nhỏ khó khai thác.

2.1.3 Đặc điểm dân cư xã hội

Khu vực miền núi phía Bắc là vùng thưa dân, mật độ dân số khoảng 50-100 người/km². Là địa bàn cư trú xen kẽ của nhiều dân tộc ít người (Tày, Dao, Mông, Nùng, Thái, Mường, Dao, Mông...). Các chỉ tiêu về phát triển dân cư – xã hội ở miền núi phía Bắc đang ở mức thấp hơn so với cả nước, thể hiện ở các chỉ tiêu: tỉ lệ hộ nghèo, GDP đầu người, tuổi thọ trung bình, tỉ lệ người lớn biết chữ và tỉ lệ dân thành thị. Đặc biệt Tây Bắc là vùng khó khăn nhất nước.

2.1.4 Nhận xét chung về kinh tế - xã hội

Khu vực miền núi phía Bắc là vùng khó khăn, không có nhiều điều kiện, giao thông không thuận tiện do địa hình chia cắt sâu sắc, thời tiết diễn biến thất thường, đất nông nghiệp rất hạn hẹp, tài nguyên rừng bị cạn kiệt, thị trường kém phát triển. Tuy nhiên, khu vực miền núi phía Bắc lại có vị trí vô cùng quan trọng trong việc giao lưu kinh tế trao đổi hàng hóa với các vùng trong nước, với các nước láng giềng (Lào, Trung Quốc) qua cửa khẩu biên giới, với các nước trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và thế giới qua các cảng. Bên cạnh đó, đây còn là vùng có nhiều lợi thế để phát triển du lịch sinh thái, khu bảo tồn tự nhiên, vườn quốc gia, khu rừng văn hóa – lịch sử... Đặc biệt, các dân tộc sinh sống nơi đây còn lưu giữ và bảo tồn nền văn hóa lâu đời với nhiều lễ hội truyền thống độc đáo như hội Lồng Tồng, hội Gầu Tào, hội xuống đồng, hội xòe...; các điệu múa đặc sắc như khèn, múa sạp, hát then... cùng nhiều trò chơi dân gian hấp dẫn. Khu vực miền núi phía Bắc gồm 10 tỉnh giáp biên giới có địa hình đồi núi sâu rộng, hiểm trở, dân cư phần đông là dân tộc thiểu số. Nhìn chung về điều kiện kinh tế và trình độ dân trí ở khu vực này chưa cao nên việc truyền tải pháp luật

đến cộng đồng dân cư gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Những năm qua, chúng ta đã rất nỗ lực trong việc đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền phổ biến pháp luật thông qua công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, trợ giúp pháp lý, câu lạc bộ pháp luật, tủ sách pháp luật.v.v. để đưa pháp luật đến với đồng bào dân tộc, nâng trình độ và ý thức chấp hành pháp luật của người dân ở đây. Tuy vậy khó khăn vẫn còn ở phía trước. Do đó, quản lý nhà nước nói chung và quản lý về Lý lịch tư pháp của khu vực miền núi phía Bắc luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước.

2.2. Các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp

Từ thời Pháp thuộc, mọi người đã biết đến "Tư pháp lý lịch" qua đạo luật ngày 05/8/1899 "về Tư pháp lý lịch và phục quyền", theo đó, ở mỗi cấp Tòa án đều có phòng lục sự với chức năng lập, lưu giữ và cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Thời kỳ sau năm 1945, ở vùng Pháp tạm chiếm, chính quyền Bảo Đại đã ban hành Dụ số 14 ngày 01/09/1951 quy định khá chi tiết về lý lịch tư pháp và phục quyền, theo đó thiết lập ở Trung ương Phòng Văn quỹ lý lịch tư pháp đặt tại Bộ Tư pháp và ở địa phương có Văn quỹ lý lịch tư pháp hàng tỉnh đặt tại mỗi Tòa sơ thẩm và Tòa hoà giải rộng quyền [21, tr.10]. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nhà nước ta vẫn duy trì chế độ lý lịch tư pháp do Bộ Tư pháp và Tòa án đảm nhiệm. Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946 về tổ chức Tòa án và các ngạch thẩm phán ở nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà có quy định các chức danh về lục sự và các việc lục sự thực hiện, trong đó có việc lập và quản lý lý lịch tư pháp. Theo Sắc lệnh này, ở mỗi Ban tư pháp xã có một thư ký giữ công việc lục sự, ở mỗi Tòa án sơ cấp có một lục sự, Tòa đệ nhị cấp có một chánh lục sự, và các thư ký giúp việc, ở Tòa thượng thẩm có một chánh lục sự và các lục sự. Trong thời kỳ này, Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ cũng đã ra Thông tư liên ngành ngày 02/09/1950 quy định một số nguyên tắc về theo dõi lý lịch tư pháp và căn cước của bị can và những người bị tình nghi. Do điều kiện của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, hoạt động của các Tòa án gặp nhiều khó khăn nên nói

chung công tác quản lý lý lịch tư pháp thời kỳ này không được chú ý nhiều [21, tr.14].

Ngày 02/11/1955, Bộ Tư pháp và Bộ Công an ban hành Thông tư liên bộ số 1909/VHC về việc theo dõi lý lịch tư pháp và căn cước của bị can và những người bị tình nghi. Đây là một văn bản quy định khá tỷ mỉ, chi tiết về công tác lý lịch tư pháp và căn cước can phạm. Tại văn bản này, nhiệm vụ quản lý lý lịch tư pháp được chuyển giao từ Tòa án sang ngành công an. Theo đó các Tòa án tỉnh đã chuyển giao những hồ sơ, tài liệu về lý lịch tư pháp đã lập trước đây cho các Ty công an quản lý. Kể từ đó, công tác lý lịch tư pháp (mà chủ yếu là quản lý tiền án, tiền sự) và hồ sơ căn cước can phạm được tập trung vào một hệ thống cơ quan thuộc Bộ Công an [21, tr.14].

Ngày 04/06/1993 Chính phủ ban hành Nghị định số 38/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Tư pháp, trong đó đề cập đến chức năng, nhiệm vụ về thống nhất quản lý lý lịch tư pháp. Nội dung này tiếp tục được khẳng định tại Nghị định số 62/2003/NĐ-CP ngày 06/06/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Sau đó được thay thế bằng Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22/08/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp và nay là Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13/03/2013 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp [21, tr.15].

Để hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/1993/NĐ-CP, ngày 26/07/1993 Bộ Tư pháp và Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ đã ban hành Thông tư liên bộ 12/TTLB hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức cơ quan tư pháp địa phương. Sau khi Nghị định số 62/2003/NĐ-CP được ban hành thay thế Nghị định số 38/1993/NĐ-CP, ngày 05/05/2005, Bộ Tư pháp – Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên tịch số 04/2005/TTLT-BTP-BNV thay thế Thông tư liên bộ số 12/TTLB. Sau khi Nghị định số 93/2008/NĐ-CP được ban hành thay thế Nghị định số 62/2003/NĐ-CP, ngày 28/04/2009, Bộ Tư pháp – Bộ Nội vụ đã

ban hành Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV thay thế Thông tư liên bộ số 04/2005/TTLT-BTP-BNV. Sau khi Nghị định số 22/2013/NĐ-CP được ban hành thay thế Nghị định số 93/2008/NĐ-CP, ngày 22/12/2014, Bộ Tư pháp – Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về công tác tư pháp ở địa phương (thay thế Thông tư liên bộ số 01/2009/TTLT-BTP-BNV).

Ngày 08/02/1999, Bộ Tư pháp và Bộ Công an đã ban hành Thông tư liên tịch số 07/1999/TTLT-BTP-BCA quy định cơ chế phối hợp giữa ngành Tư pháp và ngành Công an trong việc cung cấp thông tin từ Hệ thống tàng thư căn cước can phạm của ngành Công an để Sở Tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Theo quy định của Thông tư số 07, việc cấp phiếu lý lịch tư pháp thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với Công an cấp tỉnh và trong trường hợp cần thiết với Tòa án để xác minh lý lịch tư pháp của đương sự. Cũng theo quy định tại Thông tư số 07, người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp phải nộp một khoản lệ phí theo quy định của pháp luật. Cụ thể hóa mức lệ phí mà người yêu cầu Phiếu lý lịch tư pháp phải nộp khi có yêu cầu xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Ngày 18/09/2000, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 146/2000/QĐ-BTC về việc ban hành mức thu lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Năm 2004, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 94/2004/QĐ-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành mức thu lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp (thay thế Quyết định số 146/2000/QĐ-BTC). Ngày 02/12/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 174/2011/TT-BTC hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Thông tư này thay thế Quyết định số 94/2004/QĐ-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Ngày 02 tháng 6 năm 2005, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 49/NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, trong đó đặt ra một trong những định hướng quan trọng là “tổ chức các cơ quan tư pháp và các chế định hỗ trợ tư pháp hợp lý, khoa học và hiện đại”. Để thể chế hóa nội dung của Nghị quyết này, tại kỳ họp thứ năm, Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật Lý lịch tư pháp. Đặc biệt, ngày 19/02/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành “Chiến lược phát triển Lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030” (kèm theo Quyết định số 338/QĐ-TTg). Đây là văn bản rất quan trọng, mang tính định hướng và xác lập các điều kiện về vật chất, kỹ thuật và nguồn nhân lực cho sự nghiệp phát triển Lý lịch tư pháp ở hiện tại và tương lai. Hiện nay, hệ thống văn bản về Lý lịch tư pháp đã cơ bản hoàn thiện, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng hoạt động quản lý Lý lịch tư pháp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Để hướng dẫn thi hành Luật Lý lịch tư pháp, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan: Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, ban hành theo thẩm quyền hoặc liên tịch ban hành nhiều văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, cụ thể:

Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2011.

Quyết định số 2369/QĐ-TTg ngày 28/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và kiện toàn tổ chức thuộc Sở Tư pháp để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp”.

Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/06/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/08/2011.

Thông tư số 174/2011/TT-BTC ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/01/2012.

Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/05/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. Thông tư liên tịch số 04 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/06/2012.

Thông tư số 06/2013/TT-BTP ngày 06/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/04/2013.

Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030

Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/06/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2014.

Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 8/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến.

Chỉ thị số 02/CT-BTP ngày 09/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc tăng cường xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Bên cạnh đó, các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng đã ban hành một số Chỉ thị, Kế hoạch để triển khai thực hiện Luật Lý lịch tư pháp.

2.3. Thực tiễn quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp tại các tỉnh miền núi phía Bắc

2.3.1. Ban hành các văn bản chủ đạo, các Kế hoạch, định hướng.

Sau khi Luật Lý lịch tư pháp được Quốc hội thông qua, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Lý lịch tư pháp. Trên cơ sở Kế hoạch được phê duyệt, Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành có liên quan và UBND hầu hết các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng đã ban hành văn bản để triển khai thi hành Luật Lý lịch tư pháp tại các Bộ, ngành, địa phương. UBND các tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc cũng đã kịp thời ban hành Kế hoạch, Chỉ thị, Quyết định, Công văn thi hành Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật [*Phụ lục 1*]. Theo Phụ lục 1, để triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Lý lịch tư pháp thì tại Bắc Kạn có Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 20/6/2011 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc triển khai thực hiện Luật Lý lịch tư pháp; tại Cao Bằng có Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 25/12/2012 của UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện Luật Lý lịch tư pháp; tại Điện Biên có Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 13/7/2011 của UBND ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Luật Lý lịch tư pháp; tại Hà Giang có Kế hoạch 66/KH-UBND ngày 08/7/2011 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Luật Lý lịch tư pháp....

Để tạo cơ sở cho việc phối hợp liên ngành ở địa phương, trên cơ sở tham mưu của Sở Tư pháp, UBND các tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc đã ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai thi hành Luật Lý lịch tư pháp, trong đó ngoài việc quy định trách nhiệm cụ thể của Sở Tư pháp, của Công an tỉnh, UBND còn đề nghị các ngành Tòa án, Kiểm sát, Thi hành án dân sự địa phương tăng cường phối hợp với Sở Tư pháp trong việc tra cứu, xác minh, trao đổi cung cấp thông tin. Đồng thời trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, hầu hết các Sở Tư pháp đều quan tâm tăng cường quan hệ phối hợp với các Ngành ở địa

phương nhằm bảo đảm cho các cơ quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin lý lịch tư pháp. Đặc biệt, thời gian vừa qua, hầu hết các tỉnh miền núi phía Bắc đã ban hành Quy chế phối hợp liên ngành, Kế hoạch phối hợp liên ngành, Quy chế phối hợp về việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính (trừ Lai Châu, Lạng Sơn, Yên Bái là chưa có).

2.3.2. Tổ chức bộ máy và công tác phối hợp

Nhằm xác định các điều kiện về tổ chức bộ máy, biên chế, cơ sở vật chất kỹ thuật để thực hiện nhiệm vụ quản lý Lý lịch tư pháp và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp theo yêu cầu của Luật Lý lịch tư pháp, ngày 28/12/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 2369/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Xây dựng Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và kiện toàn tổ chức thuộc Sở Tư pháp để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp”. Theo Quyết định số 2369/QĐ-TTg, để thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp và quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp tại địa phương, các Sở Tư pháp sử dụng tổ chức hiện có của Sở là Phòng Hành chính tư pháp, bổ sung ít nhất 03 biên chế làm công tác Lý lịch tư pháp tại Phòng Hành chính tư pháp. Thời gian đầu thực hiện Luật Lý lịch tư pháp, biên chế làm công tác Lý lịch tư pháp tại các Sở Tư pháp còn hết sức khó khăn, rất ít Sở Tư pháp được bố trí biên chế. Đến ngày 31/12/2015, tình hình bố trí biên chế và số lượng biên chế làm công tác Lý lịch tư pháp đã được cải thiện đáng kể [*Phụ lục 2*]. Theo *Phụ lục 2*, chỉ có 2 biên chế được UBND tỉnh phân bổ theo Quyết định số 2369/QĐ-TTg (Cao Bằng, Tuyên Quang); 10 biên chế do các Sở Tư pháp chủ động điều chuyển từ nguồn biên chế hành chính; 10 biên chế kiêm nhiệm thực hiện các nhiệm vụ khác về hành chính, tư pháp (gồm 09 biên chế hành chính và 01 biên chế sự nghiệp); Bên cạnh đó, các Sở Tư pháp cũng đã chủ động báo cáo lãnh đạo UBND hoặc tự cân đối kinh phí để ký 3 lao động hợp đồng (bao gồm 01 hợp đồng do UBND tỉnh cấp kinh phí và 02 hợp đồng do Sở Tư pháp tự bố trí kinh phí) để thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp. Có thể

nói, tại khu vực miền núi phía Bắc số lượng biên chế chuyên trách còn thiếu rất nhiều, hầu hết các tỉnh thuộc khu vực này đều thiếu biên chế chuyên trách làm về công tác Lý lịch tư pháp.

Cũng theo Quyết định số 2369/QĐ-TTg và trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp, đến nay cũng có một số UBND đã cấp kinh phí mua sắm trang thiết bị riêng hoặc cấp kinh phí trong kinh phí hành chính hàng năm cho Sở Tư pháp (Hà Giang, Tuyên Quang). Tuy nhiên, việc đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị tại các Sở Tư pháp không đồng đều tùy thuộc vào tình hình của mỗi địa phương. Hiện nay, có 5 Sở Tư pháp đã trang bị được tủ hồ sơ chuyên dụng để lưu trữ tài liệu Lý lịch tư pháp (Cao Bằng, Bắc Kạn, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai) và một số Sở Tư pháp được trang bị văn phòng phẩm, bìa hồ sơ lưu trữ (Tuyên Quang, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Lào Cai); chỉ có 02 Sở Tư pháp Tuyên Quang và Lào Cai đã bố trí được kho, phòng lưu trữ hồ sơ Lý lịch tư pháp riêng; các Sở Tư pháp còn lại chưa được bố trí kho, phòng lưu trữ hồ sơ Lý lịch tư pháp riêng hoặc là phải dùng chung với các bộ phận khác.

Để đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Luật Lý lịch tư pháp và tăng cường sự phối hợp giữa Sở Tư pháp với các cơ quan có liên quan trong cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, hầu hết các Sở Tư pháp thuộc khu vực miền núi phía Bắc đều ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về việc phối hợp tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp, rà soát thông tin lý lịch tư pháp; chỉ có 3 Sở Tư pháp chưa có Quy chế phối hợp là Lai Châu, Lạng Sơn, Yên Bái [*Phụ lục 1*]. Theo Quy chế phối hợp thì các Sở Tư pháp sẽ gửi văn bản đến Tòa án nhân dân thành phố, Tòa án các quận, huyện; Viện kiểm sát nhân dân, Công an, Cục Thi hành án dân sự thành phố, các Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện; Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thống kê các loại thông tin lý lịch tư pháp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan để gửi về Sở Tư pháp đúng thời hạn theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp. Theo Báo cáo của các Sở Tư pháp có Quy chế phối hợp thì các cơ quan có liên

quan đã thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ cung cấp thông tin phục vụ công tác xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 02/CT-BTP ngày 09/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về tăng cường xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp; trong đó tập trung vào việc tổ chức quán triệt Chỉ thị và Xây dựng Kế hoạch giải quyết số lượng thông tin tồn đọng. Hiện nay có 4/10 tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc (Điện Biên, Lạng Sơn, Lào Cai, Tuyên Quang) đã có Kế hoạch để thực hiện Chỉ thị 02CT-BTP tăng cường xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp. Theo đó các nội dung được triển khai trong Kế hoạch đều tập trung vào việc tiếp tục phổ biến, quán triệt Luật Lý lịch tư pháp và văn bản hướng dẫn thi hành nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp về vị trí, vai trò của công tác Lý lịch tư pháp; tăng cường phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các cơ quan Tòa án, Viện Kiểm sát, Công an, Cơ quan thi hành án dân sự và các cơ quan, tổ chức khác, bảo đảm thông tin Lý lịch tư pháp được cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng quy định; tăng cường việc xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp điện tử, đảm bảo thực hiện đúng theo yêu cầu của Chỉ thị 02/CT-BTP.

2.3.3. Hoạt động quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp

2.3.3.1 Công tác xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

Tình hình phối hợp cung cấp thông tin của các cơ quan Tòa án, Viện Kiểm sát, Thi hành án dân sự, cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện; cơ quan đăng ký hộ tịch và các cơ quan có liên quan cho các Sở Tư pháp thuộc miền núi phía Bắc hầu hết được thực hiện thường xuyên theo đúng Quy chế phối hợp giữa các ngành tại địa phương. Quy trình xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp tại các vùng này cũng đa số được thực hiện đúng theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp, Nghị định số 111/2010/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

Với chức năng là trung tâm tích hợp dữ liệu lý lịch tư pháp tại địa phương, Sở Tư pháp các tỉnh đã và đang thực hiện tiếp nhận, cập nhật và xử lý thông tin lý lịch tư pháp từ các cơ quan Tòa án, Viện Kiểm sát, Thi hành án dân sự, cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện và Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia cung cấp. Trên cơ sở số lượng thông tin nhận được, các Sở Tư pháp miền núi phía Bắc đã tiến hành kiểm tra, phân loại, vào Sổ tiếp nhận được 181.300 thông tin, chưa vào Sổ tiếp nhận 19.102 thông tin; lập Lý lịch tư pháp, cập nhật thông tin Lý lịch tư pháp bổ sung 110.890 thông tin với tổng số Bản Lý lịch tư pháp lập được là 40.926 Lý lịch tư pháp; cung cấp cho các Sở Tư pháp khác 20.733 thông tin; lập và đưa vào lưu trữ 38.468 hồ sơ Lý lịch tư pháp bằng văn bản giấy [*Phụ lục 3*].

Về công tác rà soát thông tin Lý lịch tư pháp tại các Sở Tư pháp miền núi phía Bắc hầu hết đã nghiêm túc thực hiện công tác rà soát việc tiếp nhận và cung cấp thông tin với các cơ quan, đơn vị có liên quan dưới nhiều hình thức như thông qua văn bản hoặc cử cán bộ thực hiện công tác lý lịch tư pháp trực tiếp đến các cơ quan, đơn vị để phối hợp rà soát. Những Sở tư pháp có Quy chế phối hợp liên ngành, trên cơ sở đó theo định kỳ 6 tháng và hàng năm, Sở Tư pháp đã ban hành văn bản đề nghị các cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin lý lịch tư pháp rà soát, đối chiếu thông tin đã cung cấp cho Sở Tư pháp. Ngoài ra, trên cơ sở công văn đề nghị của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, định kỳ 6 tháng, Sở Tư pháp thực hiện rà soát và thông báo kết quả rà soát việc cung cấp và tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp với Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia.

2.3.3.2 Công tác cấp phiếu Lý lịch tư pháp

Việc tiếp nhận hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức được thực hiện tại bộ phận một cửa của Sở Tư pháp theo Quy chế một cửa, một cửa liên thông và được thực hiện theo quy trình: khi tiếp nhận, bộ phận một cửa kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thu lệ phí và viết giấy hẹn; chuyển phòng Hành chính tư pháp tiếp nhận nhập vào dữ liệu điện tử của Sổ tiếp nhận

và in dự thảo phiếu yêu cầu xác minh trình lãnh đạo Sở phê duyệt kèm theo hồ sơ gốc gửi cơ quan Công an cấp tỉnh tra cứu, xác minh. Căn cứ vào kết quả xác minh của các cơ quan phối hợp và xác minh vào hệ thống thông tin Lý lịch tư pháp dùng chung và in dự thảo Phiếu Lý lịch tư pháp trình lãnh đạo Sở ký, đóng dấu và chuyển kết quả sang Bộ phận một cửa để trả kết quả cho người có yêu cầu. Trường hợp thông tin cơ quan Công an cung cấp có thông báo về án tích nhưng chưa đầy đủ, Sở Tư pháp làm văn bản đề nghị các cơ quan có liên quan khác phối hợp xác minh tiếp theo đúng quy định. Tính đến ngày 31/12/2015, các Sở Tư pháp miền núi phía Bắc đã thụ lý 38.202 hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp (bao gồm 35.363 Phiếu Lý lịch tư pháp số 1 và 2.839 Phiếu Lý lịch tư pháp số 2) [Phụ lục 4,5]. Theo số liệu báo cáo của các Sở Tư pháp thuộc khu vực miền núi phía Bắc thì Sở Tư pháp Lạng Sơn có số lượng yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp nhiều nhất khu vực (5.540 Phiếu); Sở Tư pháp Bắc Kạn có số lượng yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp ít nhất khu vực (1.975 Phiếu). Đã cấp 38.089 Phiếu Lý lịch tư pháp (trong đó có 33.688 Phiếu được trả đúng hạn, 4.401 Phiếu chậm trả kết quả). Còn 113 hồ sơ chưa trả kết quả (trong đó có 105 hồ sơ chưa đến hạn và 8 hồ sơ quá hạn) [Phụ lục 4, 5].

2.3.3.3 Ứng dụng công nghệ thông tin

Ứng dụng công nghệ thông tin là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp và cấp Phiếu Lý lịch tư pháp. Nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ thông tin trong quản lý Lý lịch tư pháp, ngay từ khi Luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực thi hành một số Sở Tư pháp thực hiện lập, cập nhật thông tin Lý lịch tư pháp bằng phương pháp thủ công Word, Excel như là Hà Giang, Yên Bái, Bắc Kạn, Cao Bằng, Điện Biên.

Ngày 15/01/2012, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 359/BTP-CNTT gửi các Sở Tư pháp về việc triển khai thử nghiệm Phần mềm quản lý Lý lịch tư pháp dùng chung. Sau một thời gian thực hiện việc cập nhật cơ sở dữ liệu vào Phần

mềm dùng chung thì hầu hết các Sở Tư pháp đều nhận thấy việc cập nhật thông tin thuận lợi, nhanh gọn, kịp thời, hiệu quả. Về cơ bản, Phần mềm dùng chung đã phát huy được tính hiệu quả, phục vụ cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp Phiếu Lý lịch tư pháp tại các Sở Tư pháp nói chung và các Sở Tư pháp thuộc khu vực miền núi phía Bắc nói riêng.

2.4. Đánh giá chung quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp tại các tỉnh miền núi phía Bắc

2.4.1. Ưu điểm

Nhìn chung trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc đều được Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương, lãnh đạo sở quan tâm chỉ đạo sát sao. Các văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thi hành Luật đã thống nhất và đồng bộ tạo thuận lợi cho Sở Tư pháp trong việc nắm bắt thông tin về lý lịch tư pháp của các cá nhân. Đồng thời cũng phối hợp kịp thời trong việc cung cấp thông tin tra cứu các minh về án tích theo yêu cầu của các cơ quan, cán bộ tiếp nhận, cung cấp thông tin; luôn nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình và được thực hiện đúng nhiệm vụ được giao.

Công tác cấp phiếu Lý lịch tư pháp ngày càng được nâng cao về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu của người dân, cơ quan, tổ chức, phục vụ kịp thời nhu cầu của công dân cũng như công tác quản lý nhân sự, góp phần nâng cao công tác quản lý cán bộ; yêu cầu cải cách thủ tục hành chính trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công tác phổ biến, tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, giúp các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh nhận biết và thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác Lý lịch tư pháp. Thực hiện việc cung cấp thông tin, tra cứu thông tin Lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp trên địa bàn các tỉnh theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, qua công tác phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật về Lý lịch tư pháp, cán bộ, công chức, viên chức đã nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, nội dung của Luật và các văn bản hướng dẫn

thi hành, nhận thức được trách nhiệm và công vụ của mình. Các cá nhân, tổ chức có nhận thức đầy đủ hơn về công tác Lý lịch tư pháp, chấp hành tốt hơn các quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Về tổ chức, bộ máy, nhân lực làm công tác Lý lịch tư pháp đã từng bước kiện toàn. Đa phần các Sở Tư pháp ở khu vực miền núi cũng bắt đầu kiện toàn bộ phận Lý lịch tư pháp tại Phòng Hành chính tư pháp để thực hiện nhiệm vụ quản lý lịch tư pháp.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác Lý lịch tư pháp đã mang lại hiệu quả hết sức thiết thực, đã góp phần nâng cao hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức liên quan đến cấp phiếu Lý lịch tư pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình quản lý, điều hành của lãnh đạo. Việc lưu trữ, quản lý, xử lý thông tin thống kê báo cáo về lĩnh vực Lý lịch tư pháp, việc tra cứu, trả lời kết quả công dân, trích xuất dữ liệu theo nhu cầu; phân tích dữ liệu về Lý lịch tư pháp và cung cấp thông tin hỗ trợ để áp dụng trong các lĩnh vực khác khi có yêu cầu mang lại nhiều tiện ích cho cán bộ, công chức của ngành Tư pháp như: tiết kiệm về thời gian, con người cho nghiệp vụ cấp Phiếu Lý lịch tư pháp, làm tăng hoạt động nội tại của bộ máy hành chính thông qua các công cụ điện tử về làm việc công tác, xử lý quy trình, chia sẻ kinh nghiệm. Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân giảm bớt chi phí đi lại. Thông tin công khai, rõ ràng giúp người dân tìm hiểu thông tin liên quan đến cấp phiếu Lý lịch tư pháp, tránh phiền hà, sách nhiễu.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về Lý lịch tư pháp dần dần được quan tâm và thực hiện. Trong những năm qua, Bộ Tư pháp đã quan tâm, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ. Và đều được các cán bộ, công chức, viên chức tại các tỉnh miền núi phía Bắc làm việc về lĩnh vực Lý lịch tư pháp quan tâm và đăng ký đi học.

Công tác kiểm tra liên ngành được các địa phương quan tâm và phối hợp thực hiện. Thông qua công tác kiểm tra, các Bộ, ngành nắm bắt được tình hình

thực tế, kịp thời phát hiện sai sót, khó khăn, vướng mắc của địa phương để tháo gỡ và chủ động hướng dẫn nghiệp vụ; chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những sai sót của địa phương. Ngay từ những năm đầu tiên khi Luật Lý lịch tư pháp mới có hiệu lực thì năm 2012 có ba Sở Tư pháp thuộc khu vực núi phía Bắc là Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái được Bộ Tư pháp tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện và quy định của pháp luật về Lý lịch tư pháp. Trong năm 2013, Bộ Tư pháp phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng tổ chức các Đoàn kiểm tra liên ngành tình hình thực hiện Luật Lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp Tuyên Quang; và năm 2014 là Sở Tư pháp Bắc Kạn. Điều đó cũng thể hiện được phần nào sự quan tâm của các cơ quan nhà nước cấp Trung ương về tình hình triển khai và thực hiện Luật Lý lịch tư pháp tại các tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc.

2.4.2. Hạn chế

2.4.2.1. Trong công tác xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Lý lịch tư pháp

Về xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích. Theo quy định tại Bộ Luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự thì Tòa án có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xóa án tích hoặc Quyết định xóa án tích khi người dân có yêu cầu. Trong khi đó, theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp, trách nhiệm xác minh các điều kiện đương nhiên xóa án tích để cấp Phiếu Lý lịch tư pháp thuộc về trách nhiệm của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Trên thực tế việc xác minh này còn gặp khó khăn do phải thực hiện tại nhiều cơ quan. Một số trường hợp người dân không còn lưu giữ được các giấy tờ cần thiết để chứng minh đã hoàn thành các trách nhiệm, nghĩa vụ dân sự trong bản án, cũng như các cơ quan có liên quan cũng không còn lưu giữ sổ sách, hồ sơ để thực hiện việc xác minh, dẫn đến việc thời hạn xác minh phải kéo dài.

Về cấp Phiếu Lý lịch tư pháp số 2: Theo quy định tại Điều 42 của Luật Lý lịch tư pháp thì nội dung của Phiếu Lý lịch tư pháp số 1 không thể hiện tất cả

các thông tin về tình trạng án tích như Phiếu Lý lịch tư pháp số 2 (trong trường hợp có án tích và đã được xóa án tích), theo quy định tại điểm b Điều 43 của Luật Lý lịch tư pháp quy định: *“Đối với người đã bị kết án thì ghi đầy đủ án tích đã được xóa, thời điểm được xóa án tích, án tích chưa được xóa, ngày, tháng, năm tuyên bản, số bản án. Tòa án đã tuyên bản án, tội danh, điều khoản luật được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự, án phí, tình trạng thi hành án. Trường hợp người bị kết án bằng các bản án khác nhau thì thông tin về án tích của người đó được ghi theo thứ tự thời gian”*. Như vậy, Phiếu Lý lịch tư pháp số 2 là Phiếu đảm bảo bí mật đời tư của một cá nhân, nhưng đa số công dân khi tới giao dịch tại các cơ quan, tổ chức nước ngoài, họ đều yêu cầu công dân phải xuất trình Phiếu Lý lịch tư pháp số 2. Điều này gây bất lợi cho người dân, nhất là trong trường hợp yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp với mục đích định cư nước ngoài vì các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có thể căn cứ vào Phiếu này và từ chối nhập cảnh. Từ đó, không đảm bảo được tính nhân đạo của pháp luật và ý nghĩa của chế định xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Về hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp. Tại khoản 3 Điều 18 Thông tư 06/2013/TT-BTP ngày 06/02/2013 của Bộ Tư pháp có quy định: *“Khi người bị kết án đã chấp hành xong bản án và thông tin về việc chấp hành xong bản án được cập nhật vào Lý lịch tư pháp điện tử thì người làm công tác lý lịch tư pháp có nhiệm vụ in toàn bộ phần thông tin về tình trạng thi hành bản án đã được cập nhật, bổ sung để đưa vào hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy của người đó”*. Tuy nhiên, quy định này lại không phù hợp với thực tế. Nhiều trường hợp Sở Tư pháp đã nhận được Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa nhận được hoặc sau một thời gian dài cũng không nhận được giấy xác nhận kết quả thi hành án dân sự hay quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù. Với số lượng thông tin tiếp nhận và xử lý nhiều gây ra khó khăn cho công tác quản lý cơ sở dữ liệu.

Quy định về Tòa án gửi bản án hình sự sơ thẩm và bản án hình sự phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm giữa Luật Lý lịch tư pháp và Thông tư liên tịch số 04 là chưa có sự thống nhất. Tại khoản 1 Điều 16 Luật Lý lịch tư pháp quy định: *“Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án có nhiệm vụ gửi cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó có trụ sở các văn bản sau đây:*

a) Trích lục bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, trích lục bản án hình sự phúc thẩm;

b) Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm về hình sự;

...”

Trong khi đó, Điều 13 Thông tư liên tịch số 04 lại quy định: *“Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án gửi cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó có trụ sở trích lục bản án hình sự hoặc bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật; trường hợp vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm thì Tòa án đã xét xử phúc thẩm cung cấp bản án phúc thẩm kèm theo bản án sơ thẩm cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó có trụ sở.*

Trường hợp bản án, quyết định hình sự đã có hiệu lực pháp luật được xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì Ban thư ký Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ gửi quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở”.

Như vậy, theo quy định nêu trên của Luật lý lịch tư pháp thì Tòa án cần gửi cho Sở Tư pháp trích lục bản án hình sự, trong khi đó theo quy định nêu trên của Thông tư liên tịch số 04 thì Tòa án có thể gửi cho Sở Tư pháp bản án hình sự. Do Luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực pháp lý cao hơn Thông tư liên tịch nên xảy ra tình trạng khi thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư liên tịch số 04 thì Sở Tư pháp một số địa phương không nhận bản án do Tòa án đã xét xử sơ thẩm, Tòa án đã xét xử phúc thẩm gửi, mà chỉ nhận trích lục bản án. Trong khi đó, Tòa án cấp sơ thẩm không có thẩm quyền trích lục bản án hình sự phúc thẩm, mà chỉ có thể gửi bản sao y bản chính bản án phúc thẩm.

2.4.2.2. Trong công tác kiện toàn tổ chức bộ máy

Tổ chức, bộ máy làm công tác Lý lịch tư pháp và làm nhiệm vụ tra cứu, xác minh, trao đổi cung cấp thông tin còn nhiều hạn chế. Cũng như các Sở Tư pháp khác, đội ngũ cán bộ làm công tác Lý lịch tư pháp tại khu vực miền núi phía Bắc còn thiếu về số lượng và tính chuyên nghiệp. Tính đến ngày 31/12/2015 hầu hết các Sở Tư pháp các tỉnh miền núi phía Bắc chưa bố trí đủ số biên chế và chưa bố trí được biên chế chuyên trách làm công tác lý lịch tư pháp.

Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ công chức, viên chức làm công tác Lý lịch tư pháp tại khu vực này chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ. Chất lượng của đội ngũ công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp chưa được đào tạo bài bản về chuyên môn nghiệp vụ lý lịch tư pháp. Công tác đào tạo nghiệp vụ lý lịch tư pháp thời gian qua còn gặp nhiều khó khăn, chương trình, nội dung đào tạo chưa bài bản, chuyên nghiệp; đội ngũ giảng viên cũng chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về công tác này, đặc biệt là về nghiệp vụ xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Chỉ một số Sở Tư pháp bố trí được một hoặc hai biên chế thuộc phòng Hành chính tư pháp chuyên trách công tác Lý lịch tư pháp, còn lại đa số là các biên chế kiêm nhiệm. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng chuyên sâu của đội ngũ công chức, viên chức làm nhiệm vụ lý lịch tư pháp.

2.4.2.3. Trong đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, kỹ thuật

Cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm cho công tác Lý lịch tư pháp đa số chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, Cho đến ngày 31/12/2015, tại hầu hết cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp hệ thống Kho lưu trữ hồ sơ giấy chưa đáp ứng được yêu cầu. Có những Sở Tư pháp còn chưa bố trí được kho lưu trữ hồ sơ Lý lịch tư pháp riêng theo quy định, Tủ hồ sơ lưu trữ để chung phòng làm việc của Phòng Hành chính tư pháp; cho nên chưa áp dụng được các trang thiết bị để bảo quản, chống ẩm mốc, mối mọt.

Tại các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, kinh phí để phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu Lý

lịch tư pháp đều được lấy từ kinh phí hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động xây dựng, quản lý, lưu trữ, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp vẫn còn hạn chế, và chưa đồng đều giữa các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp. Có nhiều Sở Tư pháp ở khu vực miền núi phía Bắc phải sau hơn 2 năm khi Luật Lý lịch tư pháp ra đời thì mới ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý Lý lịch tư pháp. Tại hầu hết cơ quan đầu mối phối hợp cung cấp thông tin, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động cung cấp thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu và cấp Phiếu Lý lịch tư pháp chưa được quan tâm đúng mức. Hiện nay, Trung tâm Lý lịch tư pháp và các Sở Tư pháp đã triển khai thực hiện chính thức việc kết nối cung cấp, trao đổi, tra cứu, xác minh thông tin Lý lịch tư pháp bằng dữ liệu điện tử. Tuy nhiên, đa số các tỉnh miền núi phía Bắc thì vẫn cung cấp theo phương pháp thủ công – dưới hình thức văn bản giấy. Thực tế này cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả của hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp.

2.4.2.4. Công tác phối hợp giữa các cơ quan có liên quan

Theo quy định tại Luật Lý lịch tư pháp; Nghị định số 111/2010/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP đã quy định nhiệm vụ của các cơ quan có liên quan trong việc cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp và phối hợp rà soát thông tin Lý lịch tư pháp. Một số cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Trên thực tế tại cơ quan Tòa án một số bộ phận cán bộ thư ký của Tòa được phân công phụ trách việc cung cấp thông tin chưa nhận thức được đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp. Các công văn đề nghị Tòa án phối hợp cung cấp, đối chiếu thông tin đa số được xử lý chậm, không đúng thời gian cung cấp theo quy định, cũng có những trường hợp Sở Tư pháp yêu cầu xác

minh, đối chiếu lại thông tin nhưng không nhận được văn bản phản hồi từ cơ quan được yêu cầu. Đặc biệt, việc cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện như giấy chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách án treo, án phạt cải tạo không giam giữ, án phạt cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ....; Nhiều đơn vị cung cấp thông tin không đầy đủ; Một số đơn vị chưa cung cấp thông tin kịp thời mà để dồn và cung cấp cùng lúc với một số lượng lớn thông tin. Điều này gây khó khăn cho các công chức tiếp nhận, cập nhật, xử lý thông tin lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp. Sự phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Sở Tư pháp trong việc cung cấp quyết định đình chỉ chấp hành án phạt tù; trong việc phối hợp xác minh để làm rõ việc người bị kết án có đang bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử để cập nhật thông tin lý lịch tư pháp, xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích của người yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp còn hạn chế, chưa thực hiện đúng Luật Lý lịch tư pháp, các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tại khu vực miền núi phía Bắc vẫn còn một số Sở Tư pháp (Lào Cai, Lạng Sơn, Yên Bái) chưa ban hành được Quy chế phối hợp về trình tự, thủ tục trong việc cung cấp, xác minh, trao đổi, tra cứu thông tin Lý lịch tư pháp; do đó chưa có sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan có liên quan. Tòa án nhân dân các cấp chủ yếu cung cấp thông tin các bản án, trích lục bản án hình sự, một số ít các quyết định khác liên quan đến bản án, đặc biệt là các thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản thì Tòa án nhân dân chưa cung cấp cho các Sở Tư pháp.

2.4.2.5. Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp

Số lượng thông tin Lý lịch tư pháp tiếp nhận được chưa đủ thông tin, còn có sai sót chưa đủ điều kiện để xử lý, cập nhật vào cơ sở dữ liệu, chủ yếu là các thông tin trước khi Luật Lý lịch tư pháp có hiệu lực. Điều này ảnh hưởng đến việc lập lý lịch tư pháp, không đảm bảo tính đầy đủ, kịp thời, chính xác của thông tin Lý lịch tư pháp trong cơ sở dữ liệu cũng như ảnh hưởng đến hoạt động

tra cứu, cấp Phiếu Lý lịch tư pháp. Đây là lý do gây ra việc tồn đọng thông tin Lý lịch tư pháp. Tình trạng tồn đọng thông tin chưa được xử lý, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp còn khá lớn; Có những trường hợp người bị kết án thay đổi hộ khẩu thường trú, dẫn đến trùng thông tin lý lịch tư pháp với tỉnh khác; hoạt động lưu trữ hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy chưa đi vào nền nếp, thiếu sự thống nhất và đồng bộ; dữ liệu Lý lịch tư pháp điện tử được tạo lập vẫn còn có sai sót, thiếu chính xác, thiếu đồng bộ đã phần nào gây ảnh hưởng đến chất lượng cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp.

2.4.2.6. Công tác Cấp Phiếu Lý lịch tư pháp

Về thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật Lý lịch tư pháp quy định thời hạn cấp Phiếu Lý lịch tư pháp không quá 10 ngày và tối đa là không quá 15 ngày. Tuy nhiên, tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP quy định thời hạn tra cứu thông tin về án tích tại cơ quan Công an thì trong thời hạn 07 ngày làm việc và tối đa không quá 09 ngày làm việc phải trả kết quả về Sở Tư pháp. Nhưng trên thực tế, đa số công dân đều có thời gian cư trú ở rất nhiều tỉnh, thành trên cả nước nên ngoài việc xác minh tại nơi đăng ký thường trú, còn phải xác minh tất cả các nơi công dân đã có thời gian tạm trú tính từ khi đủ 14 tuổi trở lên, việc xác minh đều phải gửi về Bộ Công an để tra cứu. Do đó, thời hạn tra cứu theo quy định của Luật không đáp ứng được với yêu cầu của thực tiễn cũng như thời hạn cấp Phiếu Lý lịch tư pháp và trả kết quả cho công dân theo đúng thời hạn quy định. Để giảm tình trạng cấp Phiếu Lý lịch tư pháp chậm cho người dân, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08/01/2015 về việc triển khai duyệt “Đề án thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến”. Tuy nhiên, phương pháp này còn khá mới nên nhiều địa phương chưa thực hiện hoặc nếu có thực hiện thì chưa mang lại hiệu quả cao.

Về thời gian cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam mới được quyền yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Lý

lịch tư pháp quy định người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam có quyền yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp của mình. Tuy nhiên, tại Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật đều không có quy định về thời gian cư trú tại Việt Nam của người nước ngoài trong thời gian bao lâu thì được quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Việc quy định người nước ngoài phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp trong thời gian cư trú tại Việt Nam để xin cấp phép lao động là cần thiết, nhưng việc không quy định thời gian cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam là bao lâu thì mới được quyền yêu cầu Phiếu lý lịch tư pháp gây khó khăn cho người lao động nước ngoài. Trên thực tế, việc giải quyết cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người nước ngoài có thời gian cư trú tại Việt Nam trong thời gian rất ngắn (*có trường hợp chưa được 1 tháng*) thường là không có án tích. Giả sử, trong trường hợp họ có phạm tội thì thời gian của quy trình tố tụng như điều tra, truy tố, xét xử cũng phải mất vài tháng, như vậy, trong thời gian họ cư trú tại Việt Nam với thời gian ngắn như vậy sẽ không đủ thời gian đưa ra kết luận có án tích.

2.4.2.7 Công tác phổ biến, tuyên truyền

Mặc dù đã tích cực tiến hành các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành đến mọi người dân, tuy nhiên, nhận thức của người dân còn hạn chế. Nhiều người dân còn lúng túng khi được các cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp khi thực hiện thủ tục như nhận con nuôi, xuất khẩu lao động... Hầu hết các trường hợp này, người dân không hiểu được khái niệm Phiếu lý lịch tư pháp, không phân biệt được Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và Phiếu lý lịch tư pháp số 2. Điều này gây khó khăn không nhỏ cho công chức làm công tác lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp. Có trường hợp người dân có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp nhưng không nhận thức được ý nghĩa của Phiếu lý lịch tư pháp nên còn cho rằng đây là một thủ tục không cần thiết, do đó có thái độ không hợp tác, nội dung tờ khai không chính xác.

Khu vực miền núi phía Bắc dân cư phần đông là dân tộc thiểu số, quanh năm đi làm rừng, làm rẫy xa, vì vậy để tập trung được đầy đủ bà con nghe phổ biến pháp luật là việc không đơn giản. Nhìn chung trình độ dân trí ở khu vực này chưa cao nên việc truyền tải pháp luật đến cộng đồng dân cư gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Bên cạnh đó, hình thức và biện pháp tuyên truyền chưa có sự đổi mới, đa dạng nên trong thực tế vẫn còn những hạn chế.

2.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp

Một bộ phận công chức, viên chức, những người trực tiếp làm nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp vẫn chưa nhận thức được hết trách nhiệm của mình, chưa hiểu hết ý nghĩa của việc xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Một số địa phương không cử được cán bộ tham dự lớp đào tạo nghiệp vụ; chương trình, nội dung đào tạo chưa bài bản, chuyên nghiệp; Trong khi đó tại nhiều địa phương cán bộ sau khi tham gia khóa đào tạo về nghiệp vụ Lý lịch tư pháp, khi trở lại địa phương công tác thì không được bố trí làm công tác Lý lịch tư pháp mà lại điều chuyển sang làm công việc khác theo chính sách luân chuyển cán bộ.

Dân cư ở khu vực miền núi phía Bắc phần lớn là người dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế, xã hội còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó trình độ nhận thức của người dân còn hạn chế. Vì vậy việc tuyên truyền, phổ biến Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Công tác phối hợp tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu và cấp Phiếu Lý lịch tư pháp giữa các cơ quan hữu quan chưa thực sự chặt chẽ, đúng quy định của Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

Việc đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ công tác Lý lịch tư pháp còn ít. Các tỉnh miền núi phía Bắc với điều kiện kinh tế khó khăn, nhu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp của người dân không lớn, các trường hợp thuộc đối tượng miễn giảm lệ phí lại nhiều, lệ phí trích lại từ cấp Phiếu Lý lịch tư pháp còn quá ít. Điều này đã hạn

chế việc đầu tư kinh phí cho công tác Lý lịch tư pháp. Tại các cơ quan có nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ việc cung cấp thông tin phần lớn sử dụng nguồn sẵn có của cơ quan. Kinh phí hỗ trợ cho bộ phận cung cấp thông tin còn rất ít chưa bù đắp được công sức lao động của các cán bộ làm công tác này.

Biên chế làm công tác Lý lịch tư pháp tại các Sở Tư pháp và tại các cơ quan có nhiệm vụ cung cấp thông tin còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc. Tại các cơ quan này, công chức làm công tác Lý lịch tư pháp và thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp hầu hết là kiêm nhiệm.

Luật Lý lịch tư pháp được ban hành trong bối cảnh thể chế hóa các chủ trương, quan điểm đề ra tại Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp 1992 cũng như phù hợp, đồng bộ với các đạo luật cơ bản vào thời điểm đó như Bộ luật Dân sự 2005, Bộ luật Hình sự 1999, Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 ... Tuy nhiên, sau hơn 05 năm thi hành, hiện nay, tình hình đất nước đã có nhiều chuyển biến lớn về chính trị, kinh tế - xã hội. Đặc biệt, các đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN đã từng bước được cụ thể hóa mà nội dung cơ bản là ghi nhận và bảo đảm thực hiện các quyền con người, quyền cơ bản của công dân đã được ghi nhận trong Chương 2 Hiến pháp 2013; chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật, chiến lược cải cách tư pháp và chủ động hội nhập quốc tế của Việt Nam cũng được thể hiện ở các văn kiện, hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan đã có nhiều thay đổi nên Luật Lý lịch tư pháp chưa cập nhật được những nội dung, tư tưởng mới về việc ghi nhận và bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp năm 2013 cũng như những quy định mới có liên quan của Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Kết luận chương 2

Trong thời gian qua, công tác quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp tại các tỉnh miền núi phía Bắc nhìn chung đã đạt được những kết quả nhất định trên các mặt từ xây dựng thể chế, phối hợp liên ngành trong việc kiểm tra tình hình thực hiện Luật Lý lịch tư pháp đến việc xây dựng cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp. Công tác tổ chức bộ máy dần dần được kiện toàn và được quan tâm từ các cấp chính quyền địa phương. Nhờ vậy, cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp ngày càng hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp tại khu vực này còn một số hạn chế như: Công tác xây dựng văn bản hướng dẫn triển khai thi hành Luật Lý lịch tư pháp; Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Lý lịch tư pháp; Công tác tổ chức quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp; Công tác phối hợp liên ngành; Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; Công tác cấp Phiếu Lý lịch tư pháp và việc đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, kỹ thuật.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên bao gồm cả những nguyên nhân chủ quan và khách quan. Một số các nguyên nhân chính có thể thấy, đó là công chức, viên chức làm về nhiệm vụ Lý lịch tư pháp tại một số cơ quan chưa nhận thức rõ về vai trò và trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin để xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc. Hoạt động phối hợp giữa Sở Tư pháp với các cơ quan có liên quan trong tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp vẫn thực hiện dưới hình thức trao đổi bằng văn bản giấy, chưa được ứng dụng công nghệ thông tin, chưa được điện tử hóa nên hiệu quả phối hợp chưa cao, chưa kịp thời. Cán bộ làm công tác Lý lịch tư pháp còn thiếu về số lượng và tính chuyên nghiệp. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của vùng còn khó khăn cũng tác động không nhỏ đến công tác quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp.

Như vậy, việc phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp từ thực tiễn của khu vực miền núi phía Bắc góp phần đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp tại các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng và của cả nước nói chung.

Chương 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LÝ LỊCH TƯ PHÁP TỪ THỰC TIỄN CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

3.1. Quan điểm quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp

Quan điểm phát triển ngành Tư pháp trong giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025 là tạo bước chuyển biến cơ bản, toàn diện, sâu sắc về chất lượng và hiệu quả trong tổ chức và hoạt động của ngành Tư pháp; nâng cao vị thế, vai trò của ngành Tư pháp trong việc giúp chính quyền quản lý nhà nước về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi chung tình hình thi hành pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, công chứng, chứng thực, hộ tịch, quốc tịch, con nuôi có yếu tố nước ngoài, lý lịch tư pháp, luật sư, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, giám định tư pháp, hòa giải ở cơ sở, bán đấu giá tài sản, trọng tài thương mại và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực công tác Tư pháp theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân và Bộ Tư pháp; tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong các lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước đối với công tác Tư pháp, bảo đảm các điều kiện và nguồn lực nhằm thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, theo quan điểm định hướng - mục tiêu của Chiến lược phát triển lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 49/NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp phải đảm bảo được những quan điểm sau:

Thứ nhất, đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, nâng cao năng lực quản lý, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành. Nghiên cứu, hoàn thiện thể chế về Lý lịch tư pháp đáp ứng yêu cầu thực thi Hiến pháp 2013, bảo đảm phù hợp, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, đồng thời đáp ứng yêu cầu

thực tiễn và tạo cơ sở pháp lý cần thiết để thực hiện có hiệu quả hoạt động xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp và yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng; các văn bản quy phạm pháp luật phải cụ thể, dễ hiểu, dễ áp dụng. Quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp phải đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phù hợp với tiến trình cải cách tư pháp, cải cách hành chính, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật, định hướng phát triển ngành Tư pháp.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh công tác tổ chức thi hành Luật Lý lịch tư pháp; tiến hành các giải pháp cụ thể để thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển Lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Đảm bảo phát triển hoạt động Lý lịch tư pháp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, bám sát yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới. Công tác xây dựng thể chế về Lý lịch tư pháp cần tiếp tục hoàn thiện, trong đó chú trọng đến việc rà soát, sửa đổi thống nhất các quy định pháp luật có liên quan đến Lý lịch tư pháp.

Thứ ba, tiếp tục quan tâm đến xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, bảo đảm đến năm 2017, 100% thông tin lý lịch tư pháp chính thức trao đổi giữa Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp được thực hiện dưới dạng điện tử. Tổ chức sơ kết việc thực hiện Đề án cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua bưu điện, qua mạng.

Tiếp tục tăng cường và hoàn thiện mối quan hệ phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, đặc biệt là trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp qua môi trường mạng, bảo đảm trên 50% văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa cơ quan quản

lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và các cơ quan có liên quan được thực hiện dưới dạng điện tử.

Bảo đảm thuận lợi, đáp ứng tốt nhất yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức; phát huy vai trò của Phiếu lý lịch tư pháp là công cụ hỗ trợ quá trình điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng. Thủ tục yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp phải đảm bảo minh bạch, đơn giản, thuận tiện, tôn trọng đời tư cá nhân.

Thứ tư, tiếp tục kiện toàn tổ chức và biên chế cơ quan quản lý Lý lịch tư pháp theo hướng chuyên môn hóa, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp chuyên nghiệp theo hướng có chức danh cụ thể. Thu hút nguồn lực tham gia công tác lý lịch tư pháp nhằm nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức, chính trị công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp. Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ lý lịch tư pháp, bảo đảm 90- 95% công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ lý lịch tư pháp.

Thứ năm, tăng cường đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, kỹ thuật; Phân bổ kinh phí, đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Sở Tư pháp để thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp bằng văn bản giấy và dữ liệu điện tử; tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý Lý lịch tư pháp, bảo đảm thực hiện việc xây dựng, tổ chức cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp và hệ thống cơ quan quản lý Lý lịch tư pháp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng tốt nhất yêu cầu của tổ chức và cá nhân.

Thứ sáu, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của công tác lý lịch tư pháp. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lý lịch tư pháp cho các cơ quan, tổ chức và mọi người dân trên địa bàn tỉnh với nhiều hình thức (hội nghị, hội thảo chuyên đề, qua Đài, Báo, hệ thống truyền thanh cơ sở, biên soạn tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lý lịch tư pháp...)

Trên đây là những định hướng cơ bản được tác giả rút ra từ thực tiễn quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp tại các tỉnh miền núi phía Bắc. Từ đó có thể xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp không chỉ cho khu vực này mà còn cho cả nước nói chung.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp

3.2.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp

Xuất phát từ những nghiên cứu toàn diện về hệ thống pháp luật, nhất là những bất cập của nó nhìn từ những yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 48-NQ/TW, trong đó đã đánh giá: “Hệ thống pháp luật nước ta vẫn còn chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, tính khả thi thấp, chậm đi vào cuộc sống. Cơ chế xây dựng, sửa đổi pháp luật còn nhiều bất hợp lý và chưa được coi trọng đổi mới, hoàn thiện. Tiến độ xây dựng luật và pháp lệnh còn chậm, chất lượng các văn bản chưa cao. Việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên chưa được quan tâm đầy đủ. Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn hạn chế. Thiết chế bảo đảm thi hành pháp luật còn thiếu và yếu”. Vì vậy, Nghị quyết số 48-NQ/TW đã xác định nhiều quan điểm, định hướng và giải pháp chiến lược cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020. Từ đó, công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là việc xây dựng chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội hàng năm và cho nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII có rất nhiều thuận lợi và thực sự đã mang tính định hướng chiến lược sâu sắc.

Để tiếp tục hoàn thiện pháp luật về Lý lịch tư pháp, đáp ứng yêu cầu thể chế hóa các quy định của Hiến pháp 2013, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành và phát triển Lý lịch tư pháp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới; bảo đảm quyền công dân, quyền con người, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cá nhân, cơ quan, tổ chức có yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp thì cần sửa đổi Luật Lý lịch tư pháp theo hướng:

Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến Lý lịch tư pháp tại các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự (sửa đổi), Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi), Luật Thi hành án hình sự, Luật Thi hành án dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật khác để bảo đảm đồng bộ với quy định của Luật Lý lịch tư pháp. Sửa đổi Luật Lý lịch tư pháp nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế trong thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp và quản lý Lý lịch tư pháp trong tình hình mới.

Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn về Lý lịch tư pháp, tác giả xin đề xuất một số vấn đề pháp lý để hoàn thiện hệ thống pháp luật về Lý lịch tư pháp như sau:

Một là, sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 41, khoản 2 Điều 46 Luật Lý lịch tư pháp theo hướng chỉ quy định cấp cho công dân 01 loại Phiếu Lý lịch tư pháp. Nhằm bảo đảm tôn trọng bí mật đời tư cá nhân thì nên quy định chỉ cấp Phiếu Lý lịch tư pháp số 01 cho cá nhân; còn Phiếu Lý lịch tư pháp số 2 chỉ cấp cho tổ chức hoặc cơ quan nhà nước nhằm phục vụ mục đích là điều tra, truy tố.

Hai là, cần quy định cụ thể về thời gian cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam để được quyền yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp. Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật hiện hành đều không có quy định về thời gian cư trú tại Việt Nam của người nước ngoài cụ thể bao lâu thì được quyền yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp

Ba là, về mô hình tổ chức của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp nên thay đổi theo hướng thu gọn đầu mối cơ quan cung cấp, tiếp nhận thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp; xây dựng mô hình cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp từ hai cấp thành một cấp trong phạm vi toàn quốc.

Bốn là, sửa đổi về thẩm quyền Lập Lý lịch tư pháp đối với người bị kết án tạm trú nhằm đảm bảo quản lý chặt chẽ hơn, tránh trùng lặp; bổ sung chế định Lập Lý lịch tư pháp đối với người Việt Nam phạm tội tại nước ngoài, Lập Lý lịch tư pháp đối với trường hợp bị trục xuất; Vấn đề xóa bỏ tội phạm trong Lý

lich tư pháp; Về cập nhật thông tin lý lịch tư pháp và chủ động thông báo cho người bị kết án tổng trường hợp người bị kết án được xóa án tích.

Ngoài ra, tiếp tục triển khai có hiệu quả “Đề án cấp Phiếu Lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp Phiếu Lý lịch tư pháp trực tuyến”, phương pháp này cần được triển khai rộng rãi trên cả nước.

3.2.2. *Kiến toàn tổ chức bộ máy*

Tiếp tục bổ sung biên chế chuyên trách còn thiếu so với yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2369/QĐ-TTg hoặc có giải pháp nhằm bảo đảm đủ nhân lực thực hiện có hiệu quả công tác Lý lịch tư pháp. Có thể tăng cường nguồn nhân lực từ hợp đồng hoặc điều chuyển cán bộ từ các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; hạn chế tối đa việc sử dụng lãng phí nguồn lực đã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn sâu về Lý lịch tư pháp.

Nâng cao chất lượng công chức, viên chức làm công tác Lý lịch tư pháp theo hướng tập trung đào tạo, bồi dưỡng theo chiều sâu, tăng cường kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tiếp nhận, xử lý thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp, nhằm xây dựng đội ngũ công chức, viên chức làm công tác Lý lịch tư pháp có chuyên môn cao, có đạo đức và uy tín nghề nghiệp. Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức làm công tác tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại các cơ quan có liên quan. Tập trung nguồn lực để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp nhằm bảo đảm dữ liệu được thường xuyên được cập nhật, xử lý chính xác, kịp thời, phục vụ có hiệu quả công tác quản lý Lý lịch tư pháp và tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu Lý lịch tư pháp. Hạn chế tình trạng luân chuyển cán bộ đã được đào tạo chuyên môn sâu về Lý lịch tư pháp; ngoài ra, cán bộ làm công tác Lý lịch tư pháp còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ tin học, lưu trữ thông tin;

Công tác tuyển dụng, điều động, nâng lương được thực hiện kịp thời, đúng quy định của pháp luật, chế độ, chính sách của cán bộ công chức, viên chức và

người lao động tiếp tục được quan tâm giải quyết tốt hơn. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được các Sở Tư pháp thường xuyên rà soát nhu cầu đào tạo của cán bộ, công chức và đề cử tham gia các lớp đào tạo, tập huấn phù hợp với nguyện vọng, vị trí công tác.

3.2.3. Đảm bảo cơ sở vật chất – kỹ thuật:

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Triển khai mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Lý lịch tư pháp và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Nghiên cứu và triển khai việc thực hiện cung cấp, trao đổi thông tin lý lịch tư pháp bằng dữ liệu điện tử giữa các cơ quan Tòa án, Kiểm sát, Công an, Cơ quan Thi hành án... và các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Tự động hóa việc cập nhật thông tin bằng cách chuyển hóa thông tin dưới dạng văn bản giấy. Scan các bản án, quyết định chuyển sang dữ liệu thông tin lý lịch tư pháp điện tử để giảm chi phí thời gian và nhân lực, đảm bảo tính chính xác cao về thông tin án tích của người bị kết án.

Ngoài ra, nâng cao chất lượng Phần mềm quản lý lý lịch tư pháp dùng chung của Bộ Tư pháp, tốc độ đường truyền, thường xuyên nâng cấp nhằm đảm bảo việc xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp đạt hiệu quả cao.

3.2.4. Tăng cường mối quan hệ phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp

Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác phối hợp liên ngành trong triển khai thi hành Luật Lý lịch tư pháp, trong đó chú trọng tăng cường sự phối hợp của các cơ quan trung ương như Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công An, Bộ Quốc Phòng để chủ động hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong thi hành Luật Lý lịch tư pháp và các quy định có liên quan của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự, Luật Thi hành án dân sự. Đồng thời các cơ quan này cần tiếp tục hướng dẫn

các cơ quan trực thuộc tại địa phương triển khai thực hiện đảm bảo đồng bộ, hiệu quả.

Các Sở Tư pháp chủ động phối hợp với các ban ngành có liên quan tại địa phương triển khai các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật. Đối với các Sở Tư pháp đã có Quy chế phối hợp về việc tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp thì các cơ quan có liên quan nghiêm túc thực hiện; còn đối với những Sở Tư pháp mà chưa có Quy chế phối hợp thì khuyến khích xây dựng Quy chế phối hợp nhằm thiết lập, tăng cường, phối hợp thường xuyên giữa Sở Tư pháp và Tòa án, Viện Kiểm sát, Cơ quan Công an, Thi hành án dân sự trong việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

3.2.5. Tăng cường hoạt động tuyên truyền và nâng cao nhận thức của các cá nhân, cơ quan, tổ chức về Lý lịch tư pháp

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành, nhằm nâng cao nhận thức về ý nghĩa chính trị, pháp lý của công tác Lý lịch tư pháp đối với việc bảo đảm và phát huy hơn nữa quyền công dân, quyền con người của cá nhân, cơ quan, tổ chức về vị trí, vai trò của Lý lịch tư pháp trong đời sống xã hội, trong quản lý nhà nước và trong hỗ trợ hoạt động tổ tụng hình sự. Tuyên truyền, tập huấn cho cán bộ, công chức cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Công an, Quốc phòng về nhiệm vụ của các cơ quan trong việc phối hợp với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành đến các cán bộ, công chức và người dân thông qua nhiều hình thức đa dạng như: báo chí, tờ rơi, tờ gấp, các phương tiện truyền thanh cơ sở, thông qua các buổi giao lưu, sinh hoạt tại địa phương, đội ngũ trợ giúp viên pháp lý, báo cáo viên pháp luật...

Vận động người dân tham gia vào các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, phối kết hợp giữa chính quyền, đoàn thể và Hội đồng nhân cơ sở trong công tác tuyên

truyền giáo dục pháp luật tùy điều kiện của từng vùng miền được chặt chẽ và đồng bộ hơn.

Tăng cường xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật mạnh cả về số lượng và đảm bảo về chất lượng, có phẩm chất chính trị tốt, trình độ chuyên môn vững vàng, có kỹ năng truyền đạt, am hiểu pháp luật và kiến thức xã hội, am hiểu tâm lý, tập quán, ngôn ngữ của từng dân tộc, của giới (nên sử dụng người địa phương) cần có sự phân công, phân cấp rõ ràng.

3.2.6. Tăng cường thanh tra, kiểm tra về việc quản lý nhà nước Lý lịch tư pháp

Về mặt lý luận, Lênin cho rằng: “*Quản lý đồng thời phải có thanh tra, quản lý với thanh tra là một chứ không phải là hai*” [28]. Thanh tra là một chức năng, một bộ phận của quản lý, thanh tra không giống như các hoạt động chuyên môn khác mà là hoạt động nhằm bảo đảm thực hiện chính sách, pháp luật, giữ vững kỷ cương trật tự trong quản lý. Vì vậy hoạt động thanh tra, kiểm tra luôn đồng hành cùng với hoạt động quản lý nhà nước. Công tác thanh tra, kiểm tra dù được thực hiện dưới bất cứ hình thức nào, cũng luôn có tác dụng hạn chế, răn đe những hành vi vi phạm pháp luật của các đối tượng quản lý.

Bên cạnh đó, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đặc biệt là kiểm tra liên ngành tình hình thực hiện Luật Lý lịch tư pháp tại các địa phương để kịp thời uốn nắn các sai sót, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động Lý lịch tư pháp, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức trong triển khai thi hành Luật Lý lịch tư pháp; kịp thời phát hiện những bất cập trong hoạt động Lý lịch tư pháp và có giải pháp để khắc phục.

3.2.7. Tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi, học tập kinh nghiệm về quản lý nhà nước Lý lịch tư pháp

Những năm gần đây, hội nhập quốc tế đã trở thành ngôn từ khá thân quen với hầu hết người Việt Nam. Trong bối cảnh nước ta đang “*tích cực, chủ động hội nhập quốc tế*” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI vừa qua,

việc xác định đúng ý nghĩa, bản chất, nội hàm, xu hướng vận động cũng như hệ lụy của hội nhập quốc tế là rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng chiến lược, chính sách và các biện pháp cụ thể của nước ta trong quá trình hội nhập. Hiện Việt Nam đã có những bước đi nhằm tăng cường hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quản lý nhà nước Lý lịch tư pháp như là Dự án Chương trình Đối tác Tư pháp do Liên Minh Châu Âu (EU), Thụy Điển và Đan Mạch (Dự án JPP); Chương trình hợp tác ba năm thực hiện Tuyên bố chung về hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp được ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Cộng hòa Liên bang Đức và Dự án Hệ thống tư pháp thân thiện với trẻ em do Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) tài trợ. Với sự hỗ trợ của các Dự án nêu trên, Bộ Tư pháp đã tiến hành nhiều hoạt động rất hiệu quả như hỗ trợ nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Lý lịch tư pháp, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về Lý lịch tư pháp, khảo sát thực tiễn kinh nghiệm quản lý Lý lịch tư pháp của những quốc gia có nền Lý lịch tư pháp phát triển như Cộng hòa Liên bang Đức. Các hoạt động hợp tác quốc tế đã hỗ trợ rất thiết thực, quý báu cho hoạt động xây dựng, hoàn thiện thể chế và tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật cũng như phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp. Vì vậy, trong những năm tới cần tiếp tục có những chương trình thu hút các hoạt động đầu tư và hợp tác trong nước cũng như ngoài nước.

Hợp tác quốc tế về lý lịch tư pháp phải đảm bảo được thể chế chính trị, nguyên tắc lãnh đạo thống nhất và xuyên suốt của Đảng và Nhà nước. Muốn nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Nhà nước ta cần tăng cường hợp tác, trao đổi, học tập kinh nghiệm về xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp với các nước trong khu vực và trên thế giới. Qua đó, tiếp thu những yếu tố hợp lý, vận dụng có chọn lọc phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam. Việc hợp tác với nước ngoài về lý lịch tư pháp không chỉ mang lại những kinh nghiệm về kỹ thuật lập pháp,

tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật mà còn là thu hút sự hỗ trợ về kỹ thuật, tài chính cho hoạt động lý lịch tư pháp và đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ lý lịch tư pháp ở nước ngoài.

Tùy từng đặc thù của từng địa phương mà áp dụng các biện pháp trên để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh đó. Đối với các tỉnh miền núi phía Bắc, ngoài áp dụng những biện pháp nói chung ở trên thì cũng cần tính đến những đặc thù riêng của từng tỉnh để có những giải pháp đặc thù. Ví dụ: Đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền, lựa chọn hình thức cung cấp thông tin giúp cho đồng bào dân tộc dễ nghe, dễ nhớ dễ hiểu khi tiếp cận với các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, kiến thức về giới, bình đẳng giới, phát triển kinh tế, chính sách xã hội..., tránh sự trùng lặp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc biên soạn nội dung và tổ chức tuyên truyền cho đồng bào.

Kết luận chương 3

Chương 3 của Luận văn đã chỉ ra những định hướng và đưa ra các giải pháp cơ bản để tăng cường quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp. Cụ thể là hoàn thiện hệ thống pháp luật về Lý lịch tư pháp; Kiện toàn tổ chức bộ máy; Đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật; Tăng cường mối quan hệ phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; Tăng cường hoạt động tuyên truyền và nâng cao nhận thức của các cá nhân, cơ quan, tổ chức về Lý lịch tư pháp; Tăng cường thanh tra, kiểm tra về việc quản lý nhà nước Lý lịch tư pháp; Tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi, học tập kinh nghiệm về quản lý nhà nước về lĩnh vực Lý lịch tư pháp.

Trên đây là những giải pháp phần nào nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp tại khu vực miền núi phía Bắc nói riêng và của cả nước nói chung. Trong quá trình thực hiện còn tùy thuộc vào điều kiện của từng vùng, miền mà áp dụng linh hoạt để đảm bảo các giải pháp được thực hiện có hiệu quả trong quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp.

KẾT LUẬN

Ngày nay, Lý lịch tư pháp có ý nghĩa quan trọng trong đời sống dân sự của công dân, cũng như trong quản lý nhân sự và hỗ trợ hoạt động tổ tụng hình sự. Nó đáp ứng yêu cầu của cá nhân cần chứng minh bản thân có hay không có án tích, hoặc có các vấn đề về pháp lý hình sự hay không. Là nguồn cung cấp những thông tin chính thức về quá khứ nhân thân của bị can, bị cáo để cơ quan điều tra, truy tố, xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với họ trong khi giải quyết những vụ việc cụ thể. Lý lịch tư pháp ghi nhận việc xoá án tích của người bị kết án; có ý nghĩa trong việc thực hiện chính sách tái hoà nhập cộng đồng của người phạm tội. Lý lịch tư pháp là một trong những nguồn thông tin để các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị... xem xét, đánh giá tư cách đạo đức của cá nhân.

Trước yêu cầu cải cách tư pháp, cải cách hành chính và nhu cầu thực tiễn về Lý lịch tư pháp. Trong những năm quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp cũng có những thành công nhất định như: xây dựng phần mềm hỗ trợ công tác tiếp nhận hồ sơ, tra cứu, xác minh và trả kết quả tại cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu Lý lịch tư pháp; trực tiếp chuyển yêu cầu tra cứu, xác minh thông tin và trực tiếp nhận kết quả tra cứu, xác minh thông tin Lý lịch tư pháp tại các cơ quan phối hợp thay vì gửi qua đường bưu điện; triển khai dịch vụ chuyển phát kết quả giải quyết hồ sơ Lý lịch tư pháp đến địa chỉ của người dân qua bưu điện; triển khai cấp Phiếu Lý lịch tư pháp qua bưu điện cho học sinh, sinh viên đang du học ở nước ngoài, người Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài. Đồng thời, nhận thức được nhu cầu của xã hội cũng như yêu cầu trong quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp, Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu Lý lịch tư pháp đã chủ động, mạnh dạn đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực Lý lịch tư pháp như áp dụng các phương thức mới trong việc nhận hồ sơ và trả kết quả cấp Phiếu Lý lịch tư pháp, nghiên cứu, áp dụng nhiều giải pháp công nghệ thông tin

nhằm nâng cao chất lượng công tác cấp Phiếu như giải pháp “Kiềng ba chân” nhằm rút ngắn thời gian tra cứu, xác minh thông tin, rút ngắn thời gian trả kết quả cho cá nhân, cơ quan, tổ chức, góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lý lịch tư pháp.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn pháp luật về Lý lịch tư pháp trong thời gian vừa qua. Đề tài được kết cấu 3 chương đã góp phần làm rõ thêm cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp ở Việt Nam nói chung là các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng. Trên cơ sở phân tích những hạn chế và nguyên nhân để qua đó đề xuất một số giải pháp cơ bản để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp.

Trong quá trình thực hiện đề tài, chắc chắn sẽ còn tồn tại, hạn chế nhất định. Vì vậy, tác giả mong nhận được những ý kiến đóng góp của các nhà khoa học để luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Anh (2005), *Lý lịch tư pháp, bí mật đời tư về tình trạng tiền án của cá nhân*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số 6).
2. Nguyễn Thị Phương Anh (2015), *Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp từ thực tiễn thành phố Hải Phòng*, luận văn thạc sỹ luật học.
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
5. Bộ Tư pháp (2016), *Hội nghị toàn quốc triển khai công tác Tư pháp năm 2017*, tr. 75-76.
6. Bộ Tư pháp (2009), *Tìm hiểu Luật Lý lịch tư pháp*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
7. Bộ Tư pháp (2014), *Báo cáo sơ kết 03 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp và Quyết định số 2369/QĐ-TTg ngày 28/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và kiện toàn tổ chức thuộc Sở Tư pháp để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp*, Hà Nội.
8. Bộ Tư pháp (2016), *Dự thảo Báo cáo tổng kết 05 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp*.
9. Bộ Tư pháp, *Từ điển Luật học*, Viện khoa học pháp lý, tr 461 – 462
10. Bộ Tư pháp, *Dự thảo Báo cáo sơ kết 03 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp và Quyết định số 2369/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ*
11. C. Mác và Ph. Ăng ghen, *Toàn tập* (1995), Tập 23, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. C. Mác, *Tư bản* (1960), quyển I, tập 2, Nxb Sự thật, Hà Nội.
13. Hà Hùng Cường (2012), *Nhìn lại thực tiễn hai năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số chuyên đề), tr 5-12.

14. Nguyễn Đăng Dung (2009), *Cải cách tư pháp trong tổ chức quyền lực Nhà nước*, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà nội (số 25), tr. 135-144.
15. Nguyễn Thị Thu Hằng (2012), *Phiếu lý lịch tư pháp và vấn đề quản lý nhà nước, quản lý xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số chuyên đề), tr 90-99.
16. Nguyễn Thị Thu Hằng (2014), *Xung quanh vấn đề cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số 4), tr. 25-29.
17. Trần Thị Thu Hằng (2012), *Tiếp nhận, xử lý và cung cấp thông tin lý lịch tư pháp - Thực tiễn và những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số chuyên đề), tr. 77-90.
18. Nguyễn Văn Hoàn (2012), *Quy định của Luật Thi hành án hình sự với công tác quản lý lý lịch tư pháp*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số chuyên đề), tr. 12-25.
19. Học viện Hành chính (2009), *Tài liệu về bồi dưỡng về quản lý Hành chính nhà nước (chương trình chuyên viên chính), Phần II – Hành chính nhà nước và công nghệ hành chính*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật (tr. 6)
20. Học viện Hành chính (2010), *Giáo trình Lý luận Hành chính nhà nước, Chương IV – Chức năng, hình thức và phương pháp Hành chính nhà nước*.
21. Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ (năm 2009), *Đặc san tuyên truyền Luật Lý lịch tư pháp*, Đặc san tuyên truyền pháp luật (số 8).
22. Nguyễn Văn Huyền (2012), *Một số vấn đề về hoạt động đào tạo nghiệp vụ lý lịch tư pháp ở Việt Nam*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số chuyên đề), tr. 69-77.
23. Đỗ Thị Thúy Lan (2012), *Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của Luật Lý lịch tư pháp*, Số chuyên đề Lý lịch tư pháp của Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Nxb Tư pháp, tr 34-49.
24. Đỗ Thị Thúy Lan (2014), *Thực tiễn công tác xây dựng cơ sở dữ liệu lý*

lịch tư pháp, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, (số 4), tr 7-10.

25. Nguyễn Huy Mạ (2014), *Vai trò của cơ quan công an trong tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số 4), tr. 20-25.

26. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, Tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

27. Nguyễn Thị Ngọc (2014), *Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội*, luận văn thạc sỹ luật học.

28. V.I Lênin, *Toàn tập*, NXB Tiến bộ Matxcova 1976, Tiếng Việt.

29. Nguyễn Hải Ninh (2010), *Cải cách tư pháp ở Việt Nam*, Tạp chí Quản lý Nhà nước số 3, tr. 5-9.

30. Nguyễn Minh Phương (2008), *Pháp luật về lý lịch tư pháp của một số nước trên thế giới*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp (số 126), tr. 12.

31. Nguyễn Thị Minh Phương (2012), *Mối quan hệ phối hợp giữa Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia, Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan trong việc thực thi Luật Lý lịch tư pháp*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số chuyên đề), tr. 49-69.

32. Nguyễn Thị Minh Phương (2014), *Thực tiễn công tác phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số 4), tr. 16-20.

33. Đặng Thanh Sơn (2014), *Nhìn lại ba năm triển khai thi hành Luật Lý lịch tư pháp*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số 4), tr 2-5.

34. Nguyễn Văn Thắng (2012), *Tổ chức và hoạt động của cơ quan quản lý lý lịch tư pháp tại Cộng hòa Liên bang Đức*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số chuyên đề), tr. 127-136.

35. Nguyễn Văn Thắng (2016), *Quản lý nhà nước về cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp ở Việt Nam hiện nay*, luận văn thạc sỹ luật học.

36. Trần Thất (1996), *Một số suy nghĩ bước đầu về quản lý lý lịch tư pháp*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số 3).

37. Đào Thị Minh Thủy (2014), *Công tác cung cấp thông tin lý lịch tư pháp*

của Tòa án - Thực trạng và những kiến nghị, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số 4), tr10-16.

38. Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp (2011), *Một số nội dung cơ bản và lý lịch tư pháp*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

39. Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp (2012), *Cẩm nang nghiệp vụ về lý lịch tư pháp*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

40. Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp (2013), *Phối hợp liên ngành trong công tác lý lịch tư pháp*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

41. Ủy ban nhân dân các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Giang, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Sơn La, Tuyên Quang, Yên Bái (2016), *Báo cáo tổng kết 05 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp và 04 năm thi hành Nghị định số 111/2010/NĐ-CP*, Sở Tư pháp.

PHỤ LỤC 1

**TÌNH HÌNH BAN HÀNH VĂN BẢN TRIỂN KHAI, THI HÀNH LUẬT LÝ LỊCH TƯ PHÁP VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH
LUẬT LÝ LỊCH TƯ PHÁP TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

STT	SỐ TƯ PHÁP	VĂN BẢN TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT LÝ LỊCH TƯ PHÁP	QUY CHẾ PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH	KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHỈ THỊ SỐ 02
1	Bắc Kạn	Công văn số 260/CV-TU ngày 17/5/2011 của Tỉnh ủy về việc chỉ đạo triển khai thực hiện Luật LLTP	Quy chế phối hợp liên ngành số 418/QCPH-STP-TAND-CA-CTHADS ngày 04/7/2011 về việc trao đổi, cung cấp, tiếp nhận thông tin LLTP	
		Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 20/6/2011 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Luật LLTP	Quy chế phối hợp liên ngành số 1224/QCPH-STP-TAND-VKSND-CA-CTHADS ngày 30/6/2014 về việc tra cứu, xác minh, trao đổi và tiếp nhận thông tin LLTP	
		Công văn số 1463/UBND-NC ngày 21/7/2011 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Luật LLTP		
		Kế hoạch số 377/KH-UBND ngày 23/10/2013 của UBND tỉnh về việc triển khai Chiến lược phát triển LLTP đến năm 2020, tầm nhìn 2030		
2	Cao Bằng	Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 25/12/2012 của UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện Luật LLTP	Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND ngày 22/5/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp, rà soát thông tin LLTP	

		Quyết định số 205 /QĐ-UBND ngày 05/3/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch "Chiến lược phát triển LLTP đến năm 2020, tầm nhìn 2030"		
3	Điện Biên	Công văn số 38/CV-TU ngày 18/5/2011 của Tỉnh ủy gửi ban cán sự Đảng, lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các ngành có liên quan tăng cường phối hợp trong việc cung cấp thông tin LLTP	Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 25/10/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp rà soát thông tin LLTP	Kế hoạch 683/KH-STP ngày 22/7/2015 của Sở Tư pháp thực hiện Chỉ thị về tăng cường xây dựng, quản lý CSDL LLTP
		Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 13/7/2011 của UBND ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Luật LLTP		
4	Hà Giang	Công văn số 483/CV-TU ngày 19/5/2011 của Tỉnh ủy chỉ đạo triển khai thực hiện Luật LLTP	Quy chế phối hợp số 158/QCPH ngày 23/12/2014 trong việc tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp và tiếp nhận thông tin LLTP	
		Kế hoạch 66/KH-UBND ngày 08/7/2011 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Luật LLTP		
5	Lai Châu	Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 18/5/2011 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Luật LLTP		
6	Lạng Sơn	Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 18/8/2010 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Luật LLTP		Kế hoạch Số 44/KH-STP ngày 07/5/2015 Sở Tư pháp về việc giải quyết số lượng thông tin LLTP tồn đọng

		Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 30/08/2013 của UBND tỉnh về việc triển khai Chiến lược phát triển LLTP trên địa bàn đến năm 2020, tầm nhìn 2030		
		Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 20/08/2015 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án thí điểm cấp Phiếu LLTP qua dịch vụ bưu chính		
7	Lào Cai	Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 21/3/2011 về việc triển khai, thực hiện Luật LLTP	Quy chế phối hợp liên ngành Số 1686/QCPLN-STP-TAND-VKSND-CA-CTHADS ngày 26/12/2012 về việc ban hành Quy chế phối hợp, tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp và cập nhật thông tin LLTP	Kế hoạch số 09/KH-STP ngày 27/4/2015 của STP về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 02/CT-BTP
8	Sơn La	Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 14/7/2011 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Luật LLTP	Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp công tác tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp và rà soát thông tin LLTP	Kế hoạch số 254/KH-STP ngày 24/4/2015 về việc giải quyết số lượng thông tin LLTP tồn đọng
		Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 05/9/2011 của UBND tỉnh về kiện toàn cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp		
		Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 16/4/2014 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện chiến lược phát triển LLTP 2020, tầm nhìn 2030		

9	Tuyên Quang	Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Luật LLTP	Quy chế phối hợp liên ngành số 38/QCPLN/STP-CAT-TANDT-VKSNDT-CTHADS ngày 02/11/2012 ban hành Quy chế phối hợp liên ngành về tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin LLTP	Kế hoạch số 18 /KH-STP ngày 28/4/2015 của Sở Tư pháp về việc thực hiện Chỉ thị về việc tăng cường xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác CSDL LLTP
		Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 14/11/2013 của UBND tỉnh về việc triển khai chiến lược phát triển LLTP đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030		
10	Yên Bái	KHÔNG CÓ	KHÔNG CÓ	KHÔNG CÓ

Nguồn: Sở Tư pháp các tỉnh

PHỤ LỤC 2

SỐ LƯỢNG BIÊN CHẾ VÀ LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG LÀM CÔNG TÁC LÝ LỊCH TƯ PHÁP TẠI SỞ TƯ PHÁP

Từ 01/01/2015-31/12/2015

STT	SỞ TƯ PHÁP	TỔNG SỐ	BIÊN CHẾ					LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG	
			Chuyên trách			Kiêm nhiệm		Nguồn kinh phí để thuê	
			Phân bổ theo QĐ 2369/QĐ-TTg	Tự điều chuyển		Biên chế hành chính	Biên chế sự nghiệp	Sở Tư pháp tự bố trí kinh phí	Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí
				Biên chế hành chính	Biên chế sự nghiệp				
1	Bắc Kạn	4	0	0	0	3	0	1	0
2	Cao Bằng	3	1	1	0	1	0	0	0
3	Điện Biên	2	0	1	0	1	0	0	0
4	Hà Giang	3	0	0	0	2	1	0	0
5	Lai Châu	2	0	0	0	1	0	1	0
6	Lạng Sơn	3	0	2	0	1	0	0	0
7	Lào Cai	2	0	2	0	0	0	0	0
8	Sơn La	1	0	1	0	0	0	0	0
9	Tuyên Quang	2	1	1	0	0	0	0	0
10	Yên Bái	2	0	1	0	0	0	0	1
Tổng		24	2	9	0	9	1	2	1

Nguồn: Sở Tư pháp các tỉnh

PHỤ LỤC 3
TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP TẠI SỞ TƯ PHÁP
Từ ngày 01/7/2010-31/12/2015

STT	SỞ TƯ PHÁP	SỐ LƯỢNG THÔNG TIN ĐÃ XỬ LÝ			SỐ LƯỢNG THÔNG TIN CHƯA XỬ LÝ		SỐ LƯỢNG BẢN LLTP ĐÃ ĐƯỢC LẬP	SỐ LƯỢNG HỒ SƠ GIẤY ĐÃ LẬP	GHI CHÚ
		Vào sổ tiếp nhận	Cung cấp thông tin không thuộc thẩm quyền	Thông tin đã lập LLTP, cập nhật TTLLTPBS	Thông tin chưa vào sổ tiếp nhận	Thông tin chưa lập LLTP, cập nhật TTLLTPBS			
1	Bắc Kạn	13,195	873	11,642	753	680	2,800	2,800	
2	Cao Bằng	14,827	1,115	13,710	0	0	3,208	3,208	
3	Điện Biên	21,357	1,444	18,112	0	421	5,232	5,232	
4	Hà Giang	9,260	906	7,840	0	514	2,829	2,620	
5	Lai Châu	6,443	687	2,040	1,790	3,716	3,692	3,692	
6	Lạng Sơn	34,742	3,553	19,439	0	11,750	5,145	4,949	
7	Lào Cai	10,948	324	1,450	367	150	1,387	1,387	
8	Sơn La	29,196	4,043	7,131	16,192	18,064	6,686	6,686	
9	Tuyên Quang	29,309	5,825	22,696	0	788	6,525	6,525	
10	Yên Bái	12,023	1,963	6,830	0	3,230	3,422	1,369	
Tổng		181,300	20,733	110,890	19,102	39,313	40,926	38,468	

Nguồn: Sở Tư pháp các tỉnh

PHỤ LỤC 4
TÌNH HÌNH CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 1 TẠI SỞ TƯ PHÁP

Từ 01/7/2010 - 31/12/2015

STT	SỞ TƯ PHÁP	TỔNG SỐ	HỒ SƠ ĐÃ TRẢ KẾT QUẢ		HỒ SƠ CHƯA TRẢ KẾT QUẢ		NGUYÊN NHÂN TRẢ KẾT QUẢ TRỄ HẠN (Ghi rõ số lượng hồ sơ)			
			Đúng hạn	Quá hạn	Chưa đến hạn	Quá hạn	Do STP chậm xử lý hồ sơ	Do cơ quan Công an chậm trả lời tra cứu, xác minh	Do phải tra cứu, xác minh thêm ở cơ quan khác	Lý do khác
1	Bắc Kạn	1,952	1,836	99	16	1	0	53	14	32
2	Cao Bằng	3,660	3,660	0	0	0	0	0	0	0
3	Điện Biên	2,538	1,620	918	0	0	0	866	52	0
4	Hà Giang	2,601	2,514	87	0	0	0	87	0	0
5	Lai Châu	3,616	3,599	7	10	0	0	7	0	0
6	Lạng Sơn	5,511	4,267	1,223	18	3	0	1,212	11	0
7	Lào Cai	4,955	4,312	603	40	0	132	259	0	212
8	Sơn La	2,325	2,177	148	0	0	19	125	4	0
9	Tuyên Quang	4,484	4,473	11	0	0	0	5	6	0
10	Yên Bái	3,721	3,067	654	0	0	0	654	0	0
Tổng		35,363	31,525	3,750	84	4	151	3,268	87	244

Nguồn: Sở Tư pháp các tỉnh

PHỤ LỤC 5
TÌNH HÌNH CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 2 TẠI SỞ TƯ PHÁP
Từ 01/7/2010 - 31/12/2015

STT	SỞ TƯ PHÁP	TỔNG SỐ	HỒ SƠ ĐÃ TRẢ KẾT QUẢ		HỒ SƠ CHƯA TRẢ KẾT QUẢ		NGUYÊN NHÂN TRẢ KẾT QUẢ TRỄ HẠN (Ghi rõ số lượng hồ sơ)			
			Đúng hạn	Quá hạn	Chưa đến hạn	Quá hạn	Do STP chậm xử lý hồ sơ	Do cơ quan Công an chậm trả lời tra cứu, xác minh	Do phải tra cứu, xác minh thêm ở cơ quan khác	Lý do khác
1	Bắc Kạn	23	21	2	0	0	0	0	0	2
2	Cao Bằng	20	20	0	0	0	0	0	0	0
3	Điện Biên	31	11	20	0	0	0	20	0	0
4	Hà Giang	33	31	2	0	0	0	2	0	0
5	Lai Châu	7	7	0	0	0	0	0	0	0
6	Lạng Sơn	29	24	5	0	0	0	4	1	0
7	Lào Cai	47	47	0	0	0	0	0	0	0
8	Sơn La	18	16	2	0	0	0	2	0	0
9	Tuyên Quang	44	44	0	0	0	0	0	0	0
10	Yên Bái	102	85	17	0	0	0	17	0	0
Tổng		354	306	48	0	0	0	45	1	2

Nguồn: Sở Tư pháp các tỉnh